

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

TẠ THỊ NGÂN

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

TẠ THỊ NGÂN

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Lê Văn Cẩm

HÀ NỘI - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn ch-a từng đ-ợc ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Tạ Thị Ngân

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP 8

1.1. Khái niệm, đặc điểm của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phân biệt nó với các hình thức đa (nhiều) tội phạm 8

1.1.1. Khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp 8

1.1.2. Các đặc điểm của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp 12

1.1.3. Phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với phạm tội nhiều lần 14

1.2. Khái lược sự hình thành và phát triển những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong luật hình sự Việt Nam 16

1.2.1. Giai đoạn từ khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công cho đến trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời 16

1.2.2. Giai đoạn từ khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời cho đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 23

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 cho đến nay 27

Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG 33

2.1. Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong 33

Phân chung của Bộ luật hình sự	
2.1.1.	Nguyên tắc xử lý đối với ng-ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Bộ luật hình sự 33
2.1.2.	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 37
2.2.	Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự 41
2.2.1.	Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch-ơng XII- "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con ng-ời" của Bộ luật hình sự 41
2.2.2.	Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch-ơng XIV- "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự 44
2.2.3.	Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch-ơng XVI- "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" của Bộ luật hình sự 50
2.2.4.	Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch-ơng XVIII- "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự 54
2.2.5.	Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch-ơng XIX- "Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng" của Bộ luật hình sự 55
2.3.	Thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử của Tòa án 56
2.3.1.	Những v-ớng mắc, sai lầm trong việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử của Tòa án 56
2.3.2.	Thực tiễn áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" trong hoạt động xét xử các tội phạm buôn bán ng-ời của Tòa án 61

2.3.3.	Thực tiễn áp dụng "tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" trong hoạt động xét xử các tội xâm phạm sở hữu của Tòa án	64
2.3.4.	Thực tiễn áp dụng những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Tòa án	71
2.3.5.	Thực tiễn áp dụng những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử các tội phạm về ma túy của Tòa án	75
2.3.6.	Thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử các vụ án xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng của Tòa án	78
	Chương 3: HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH NÀY	83
3.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	83
3.2.	Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	86
3.3.	Nâng cao chất lượng trong hoạt động đấu tranh phòng ngừa và chống các loại tội phạm có tính chất chuyên nghiệp của các cơ quan tư pháp	88
3.3.1.	Đối với cơ quan Công an	88
3.3.2.	Đối với Tòa án nhân dân	91
3.3.3.	Đối với Viện kiểm sát nhân dân	92
	KẾT LUẬN	95
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Báo cáo thống kê tổng kết 12 năm của Tòa án nhân dân tối cao về tình hình xét xử sơ thẩm các vụ án buôn bán ng- ời có quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt	62
2.2	Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu năm 2008	65
2.3	Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu năm 2009	66
2.4	Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu năm 2010	66
2.5	Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế năm 2008	72
2.6	Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế năm 2009	73
2.7	Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế năm 2010	73
2.8	Số liệu thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án sản xuất trái phép chất ma túy trên cả n- ớc từ năm 2008 đến năm 2010	78
2.9	Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án đánh bạc từ năm 2008 đến năm 2010	80

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời là một bước tiến lớn trong hoạt động lập pháp của Việt Nam nói chung và lập pháp hình sự nói riêng, nó là kết quả của quá trình kế thừa, phát triển pháp luật hình sự và tổng kết kinh nghiệm 40 năm đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta từ Cách mạng tháng Tám. Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời mang sứ mệnh là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa mọi hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, do Bộ luật hình sự năm 1985 được xây dựng và ban hành trong điều kiện của nền kinh tế hiện vật, kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, chưa có nhiệm vụ và chưa thể quy định những tội danh, những hành vi cần được xử lý nghiêm khắc về mặt hình sự của nền kinh tế thị trường. Nhiều loại hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong nền kinh tế thị trường mà nếu không được ngăn chặn kịp thời thì có thể gây ra nhiều hệ quả rất nguy hại. Bên cạnh đó, cũng cần phải xem xét, rà soát lại một cách toàn diện các tội phạm về kinh tế, về sở hữu để có những sửa đổi, bổ sung thích hợp cả về dấu hiệu pháp lý cũng như chính sách xử lý nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Trong tình hình đó, tại kỳ họp thứ 6 ngày 21-12-1999, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X đã thông qua Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1999), nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định pháp luật hình sự đã được Bộ luật hình sự năm 1985 ban hành với những sửa đổi, bổ sung cần thiết và quan trọng.

Trong điều kiện Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đa dạng hóa các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật và điều kiện Nhà nước bảo hộ nên Bộ luật hình sự năm 1999 cũng đã có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Trong số các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã được quy định tại khoản 1 Điều 48 có ba tình tiết mới được bổ sung là: tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", "phạm tội có tính chất côn đồ", và tình tiết "xâm phạm tài sản của Nhà nước". Trong đó, tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" được bổ sung nhằm mục đích đấu tranh một cách mạnh mẽ đối với những đối tượng coi việc phạm tội như một nghề kiếm sống - một loại hành vi phạm tội đang diễn ra một cách rất phổ biến do ảnh hưởng tiêu cực từ sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Hơn nữa, việc quy định này cũng nảy sinh từ đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian qua là cần phải có chế tài xử lý nghiêm khắc để răn đe nhằm cải tạo, giáo dục đối với hình thức phạm tội nguy hiểm này.

Tuy nhiên, do là một quy định mới trong Bộ luật hình sự năm 1999 nên trong khoa học luật hình sự Việt Nam, vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách sâu sắc, đầy đủ, có hệ thống và toàn diện. Có rất nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ để có quan điểm thống nhất và đầy đủ như về khái niệm, đặc điểm, điều kiện áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định của Bộ luật hình sự. Mặt khác, thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng đã đặt ra nhiều vướng mắc đòi hỏi khoa học luật hình sự phải nghiên cứu, giải quyết như căn cứ áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tiêu chí xác định mức độ chuyên nghiệp của hành vi phạm tội, tiêu chí phân biệt tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác tại Điều 48 Bộ luật hình sự v.v...

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa những vấn đề lý luận về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự để đưa ra kiến

ngiht và các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong giai đoạn hiện nay không những có ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Đây cũng là lý do luận chứng cho việc chúng tôi quyết định chọn đề tài "***Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong luật hình sự Việt Nam***" làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một điểm mới của Bộ luật hình sự năm 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985, vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vẫn chưa được nghiên cứu một cách đồng bộ, có hệ thống và toàn diện. Tại Việt Nam, vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã được đề cập, phân tích trong một số giáo trình và sách tham khảo như: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, tập thể tác giả do TSKH. Lê Cẩm chủ biên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001 và 2003 (tái bản lần thứ nhất); *Tội phạm học nhập môn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2009 của TS. Dương Tuyết Miên; *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, của GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa; *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999- Phần chung*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2000 của ThS. Đinh Văn Quế; *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, do TS. Ưông Chu Lưu (chủ biên); *Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong công tác xét xử của Tòa án và một số kiến nghị*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, 2009, tập thể tác giả do ThS. Đinh Văn Quế làm chủ nhiệm; *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, 2001, tập thể tác giả do ThS. Đinh Văn Quế làm chủ nhiệm...

Ngoài ra, vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp còn đ- ợc đề cập ở các mức độ khác nhau trong các công trình của một số tác giả khác nh- : *Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*, của tác giả Vũ Thành Long, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 20, 2006; *Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999 và một số kiến nghị*, của tác giả Trịnh Tiến Việt, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13, 2004; *Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và h- ớng khắc phục*, của tác giả Hồ Sỹ Sơn, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 16, 2008; *Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 04, 2010.

Tuy nhiên, tất cả những nghiên cứu trên đây của các tác giả mới ở d- ới dạng là các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, là một phần, mục trong các giáo trình, sách tham khảo hay sách bình luận, hoặc mới chỉ xem xét vấn đề ở cấp độ trao đổi ý kiến. Có nghĩa là cho đến nay trong khoa học luật hình sự của Việt Nam ch- a có công trình nghiên cứu nào đề cập đến chế định này một cách t- ơng đối có hệ thống, t- ơng đối đồng bộ và ở cấp độ một luận văn thạc sĩ hay một luận án tiến sĩ luật học. Hơn nữa, nhiều vấn đề lý luận - thực tiễn xung quanh vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng đòi hỏi cần phải đ- ợc tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên khảo và sâu sắc hơn.

3. Phạm vi và mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Bộ luật hình sự năm 1999, d- ới góc độ pháp luật hình sự, đồng thời luận văn cũng có đề cập đến một số các quy định của pháp luật chuyên khác nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ và đối t- ơng nghiên cứu.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một vấn đề mới, có nhiều nội dung liên quan đến các chế định khác của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, mục đích

của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo luật hình sự Việt Nam và việc áp dụng chế định này trong thực tiễn, xác định những bất cập và từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện các quy định này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả luận văn tập trung giải quyết các vấn đề sau:

Về mặt lý luận, nghiên cứu khái niệm, các đặc điểm cơ bản của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, sự khác nhau giữa tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác, ý nghĩa của việc quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với tính chất là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự hiện hành để làm sáng tỏ bản chất và nội dung pháp lý của chế định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thực tiễn xét xử của Tòa án, đồng thời phân tích những tồn tại xung quanh việc áp dụng chế định này nhằm đề xuất và luận chứng sự cần thiết phải hoàn thiện và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết này trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Những cơ sở lý luận của luận văn là các thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài đăng trên tạp chí của các nhà khoa học - luật gia Việt Nam và nước ngoài, cũng như các văn

bản pháp luật của Nhà nước và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo của thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự do Tòa án nhân dân tối cao hoặc (và) các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương ban hành có liên quan đến chế định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Ngoài ra, luận văn cũng đã sử dụng một số phương pháp tiếp cận để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, đó là các phương pháp nghiên cứu như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào số liệu thống kê trong các báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và một số các vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử, cũng như thông tin trên mạng Internet để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận - thực tiễn quan trọng của luận văn là ở chỗ tác giả đã làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, nội dung và điều kiện áp dụng của tình tiết này trên cơ sở xem xét các quy định của pháp luật hình sự hiện hành, đồng thời đề xuất các kiến nghị hoàn thiện các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng chúng trong thực tiễn.

Đặc biệt, để góp phần cụ thể hóa hơn nữa chính sách hình sự của Nhà nước ta và để phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn xét xử và pháp luật hình sự các nước, tác giả luận văn kiến nghị bổ sung những tội danh có thể quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung hình phạt, đồng thời đề nghị Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành.

Ngoài ra, ở một chừng mực nhất định có thể khẳng định rằng, đây là nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sĩ đề cập đến vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong khoa học luật hình

sự Việt Nam; do đó nó còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy; nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành luật nói chung, luật hình sự nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Chương 2: Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Bộ luật hình sự và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP VÀ PHÂN BIỆT NÓ VỚI CÁC HÌNH THỨC ĐA (NHIỀU) TỘI PHẠM

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một dạng phạm tội khá phổ biến và nguy hiểm hiện nay. Vì vậy khi sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự năm 2003, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với những tội phạm có tính chất chuyên nghiệp, tính nguy hiểm cao cho xã hội của tội phạm này thể hiện ở các khía cạnh:

- + Thể hiện ở hành vi khách quan: Người phạm tội lấy việc phạm tội làm *nguồn sống, triền miên, lặp đi lặp lại*.

- + Thể hiện ở các tình tiết về nhân thân người phạm tội: *Phạm tội từ 5 lần trở lên, do đó nguy hiểm hơn so với phạm tội nhiều lần từ 2 lần trở lên*.

1.1.1. Khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một thuật ngữ pháp lý và được sử dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 48, và là tình tiết định khung trong nhiều điều luật quy định trong Phần các tội phạm. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1999 chưa quy định khái niệm pháp lý về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, nên về vấn đề này trong khoa học pháp lý hiện nay tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, cụ thể là:

- Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là "*trở nên hợp liên tiếp phạm tội và việc phạm tội trở thành nguồn thu nhập chính*" [47, tr. 274].

- *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là ng- ời phạm tội lấy việc phạm tội là nguồn sống chính cho mình" [44, tr. 28].*

- *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là việc ng- ời phạm tội lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, nguồn thu nhập, nguồn sống chính" [14, tr. 30].*

- *Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tr- ờng hợp ng- ời phạm tội chuyên lấy việc phạm tội là nghề sống chính hoặc tạo nguồn thu nhập chính...mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết phụ thuộc vào mức độ chuyên nghiệp, thời gian hoạt động phạm tội, mức độ thu nhập bằng con đ- ờng phạm tội [15, tr. 147].*

Tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1991 diễn ra từ ngày 07 đến ngày 10-01-1992, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã h- ớng dẫn xác định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nh- sau:

Coi là l- u manh chuyên nghiệp những tên chuyên lấy việc trộm cắp, lừa đảo, chứa chấp, tiêu thụ của gian, hoặc lấy các hành động phi pháp khác làm nguồn sống chính, hoặc tuy có nghề nghiệp nh- ng đó không phải là nguồn sống chính, có khi chỉ là để nguy trang... [37, tr. 247].

Tuy không đ- a ra khái niệm thế nào là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 và một số điều luật trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự năm 1999, nh- ng tại Mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã h- ớng dẫn:

Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay ch- a bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu ch- a hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ch- a đ- ợc xóa án tích;

b) Ng-ời phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính [43, tr. 16].

Theo các nghị quyết của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự đã giao cho Tòa án nhân dân tối cao, trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Luật này và các quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, thì hướng dẫn tại Nghị quyết này của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng là văn bản quy phạm pháp luật và có tính bắt buộc thi hành đối với các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Tòa án nói riêng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Và vì thế, có thể coi nội dung hướng dẫn trên là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Theo Từ điển tiếng Việt của Nhà xuất bản từ điển Bách Khoa năm 2007, "chuyên nghiệp" có nghĩa là "*chuyên một nghề làm ăn nhất định và có học hành về nghề đó hẳn hoi*" [53, tr. 259]. Như chúng ta đã biết, "*tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt*" [47, tr. 42]. Là một hiện tượng tiêu cực nhất trong xã hội, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng nên tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại xã hội, đi lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của công dân. Để bảo vệ các quyền lợi của giai cấp cầm quyền, các lợi ích của các giai tầng khác trong xã hội, Nhà nước đã quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự (hình phạt) đối với người nào thực hiện các hành vi đó [55].

Vì thế, trước hết, ta cần phải hiểu khái niệm chuyên nghiệp trong tội phạm hình sự không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một con người ngoài xã hội; do đó, không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống. Tính chất

chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ ng-ời đó th-ờng xuyên thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của họ đ-ợc lặp đi lặp lại nhiều lần, và điều quan trọng hơn đó là, do tính chuyên nghiệp trong tội phạm hình sự không đ-ợc coi là nghề nghiệp của một con ng-ời cho nên yếu tố quan trọng để xác định tính chuyên nghiệp trong tội phạm là ng-ời phạm tội đó phải coi việc phạm tội của mình là ph-ơng tiện để kiếm sống, là nguồn thu nhập, nguồn sống chính. Theo Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, thì điều kiện cần và đủ để áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với ng-ời phạm tội là ng-ời đó phải phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm và đều phải lấy các lần phạm tội là ph-ơng tiện kiếm sống, là nguồn thu nhập chính. Tuy nhiên, còn một vấn đề mà Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP không đề cập đến, đó là một ng-ời thực hiện nhiều hành vi phạm tội khác nhau, nh- ng không xâm phạm đến cùng một khách thể hoặc một nhóm khách thể cùng loại mà xâm phạm đến nhiều khách thể khác nhau, nghĩa là ng-ời đó phạm nhiều lần vào nhiều tội khác nhau, nh- ng với mỗi tội thì ch- a đủ 05 lần (theo nh- Nghị quyết) và ng-ời đó đều lấy các lần phạm tội là ph-ơng tiện kiếm sống, lấy kết quả phạm tội là nguồn thu nhập chính, thì có đ-ợc hay không đ-ợc coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Chúng tôi nhận thấy rằng, nếu chỉ coi những tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nh- trong Nghị quyết h-ớng dẫn thì ch- a đầy đủ và ch- a phản ánh hết tính chất nguy hiểm cũng nh- bản chất của mỗi ng-ời phạm tội. Bởi lẽ, điểm quan trọng nhất, mấu chốt nhất để phân biệt những tr-ờng hợp nào, con ng-ời phạm tội nào đ-ợc coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, thì phải căn cứ vào ý thứ hai trong Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, đó là "*ng-ời phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính*". Cho nên, ngoài những tr-ờng hợp ng-ời nào năm lần thực hiện tội phạm xâm phạm đến cùng một khách thể hoặc một nhóm khách thể thì tr-ờng hợp ng-ời nào phạm nhiều tội và có từ

năm lần phạm tội trở lên và đều lấy việc phạm tội của mình làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, thì những tr- ờng hợp này, theo chúng tôi, cũng phải coi là tr- ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Có nh- vậy, mới đánh giá đúng tính chất nguy hiểm và phản ánh đúng bản chất của con ng- ời phạm tội.

Nh- vậy, về cơ bản tất cả các quan điểm trên đây về khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đều đầy đủ về nội dung, ngắn gọn và điều quan trọng là thống nhất trong việc khẳng định rõ đ- ợc nội dung và bản chất pháp lý của nó. Đó là việc một ng- ời phạm tội (không phân biệt là một tội hay các tội khác nhau) nhiều lần và đều lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, làm nguồn thu nhập chính của mình. Tóm lại, trên cơ sở tổng kết các quan điểm khoa học đã nêu, kết hợp với việc phân tích các quy định của pháp luật hình sự có liên quan, d- ới góc độ khoa học luật hình sự, khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có thể đ- ợc định nghĩa nh- sau: *Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là hành vi của một ng- ời lấy việc phạm tội làm nghề sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn thu nhập chính và đã cố ý phạm tội nhiều lần về một hoặc các tội phạm, không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay ch- a bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu ch- a hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ch- a đ- ợc xóa án tích.*

1.1.2. Các đặc điểm của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

Xuất phát từ khái niệm nêu trên và trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự hiện hành có liên quan đến phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, chúng tôi có thể chỉ ra một số đặc điểm cơ bản của nó nh- sau:

Thứ nhất, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết định khung hình phạt đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự, phản ánh rõ nét nhất nguyên tắc, chính sách hình sự của Đảng và Nhà n- ớc ta tại Điều 3 Bộ luật hình sự năm 1999 là "ng nghiêm trị" đối với những ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Nh- ng nói nh-

vậy, không có nghĩa "nghiêm trị" nhất thiết phải xử phạt nặng ng-ời phạm tội, mà phải cân nhắc, đánh giá đúng đắn tính chất nghiêm trọng của tội phạm, tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân ng-ời phạm tội và trong phạm vi đ-ồng lối, pháp luật đối với từng tội phạm cụ thể, có quyết định trừng trị nghiêm khắc, không do dự, không rụt rè. Có kiên quyết nghiêm trị ng-ời phạm tội nguy hiểm thì mới có điều kiện xử lý khoan hồng rộng rãi ng-ời phạm tội ít nguy hiểm. Mặt khác, dù là tính nghiêm trị hay khoan hồng đều phải thể hiện đ-ợc tính giáo dục, cải tạo. Điều đó có ý nghĩa không vùi dập ng-ời phạm tội; không dồn họ vào con đ-ờng cùng, mà là nâng đỡ, mở đ-ờng cho họ trở lại thành ng-ời công dân l-òng thiện; nó có tác dụng phòng ngừa riêng đối với ng-ời phạm tội và cũng có tác dụng phòng ngừa chung đối với những ng-ời có ý định phạm tội.

Thứ hai, ng-ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo thực tiễn xét xử là ng-ời phải phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm; đây là điều kiện cần, có tính tiên quyết. Mặc dù, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ch-a lý giải lý do lấy mức định l-ợng phạm tội từ 05 lần trở lên mà không phải là một mức khác, nh-ng theo chúng tôi, việc xác định này xuất phát từ thực tiễn xét xử và tổng kết công tác xét xử của ngành Tòa án, do bản chất của các đối t-ợng này là chuyên lấy việc phạm tội làm nghề kiếm sống nên đã phạm tội một cách th-ờng xuyên. Về vấn đề phạm tội nhiều lần đối với một tội hay nhiều tội, hiện nay cũng còn nhiều quan điểm khác nhau. Có ý kiến cho rằng, tính chất chuyên nghiệp là chỉ tính chất của mỗi tội phạm riêng biệt cụ thể, chứ không phải là chỉ tính chất của tội phạm nói chung nên xác định "*phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm*" nh- Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP là đầy đủ. Loại ý kiến khác thì lại cho rằng, trong tr-ờng hợp này cần phân biệt, nếu tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ-ợc áp dụng là tình tiết định khung hình phạt của một tội phạm cụ thể thì phải xác định phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm đó; nếu áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thì chỉ cần xác định phạm tội từ 05 lần trở

lên về một hoặc các tội mà thôi, vì tính nguy hiểm của hành vi này là ng- ời phạm tội đã coi việc phạm tội là lẽ sống của mình.

Thứ ba, đặc điểm có tính đặc tr- ng nhất của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, là ng- ời phạm tội phải lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, lấy kết quả của các lần phạm tội là nguồn thu nhập chính, là nguồn sống chính. Đây chính là đặc điểm quan trọng, phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với các tr- ờng hợp phạm tội khác. Hiện nay cũng có quan điểm cho rằng, đối với tr- ờng hợp một ng- ời chỉ phạm một tội, nh- ng đ- ợc thực hiện nhiều lần trong một thời gian nhất định mà hành vi phạm tội đó đ- ợc lặp đi, lặp lại thì cũng phải coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, chứ không nhất thiết phải xác định ng- ời phạm tội phải lấy việc phạm tội làm ph- ơng tiện kiếm sống. Quan điểm này, theo chúng tôi là không có cơ sở khoa học, và nếu cứ coi tr- ờng hợp phạm tội nhiều lần nào cũng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì không thể lý giải đ- ợc sự khác nhau giữa phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với phạm tội nhiều lần.

1.1.3. Phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với phạm tội nhiều lần

Trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành bên cạnh thuật ngữ "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", còn tồn tại thuật ngữ "phạm tội nhiều lần", đồng thời giữa hai khái niệm này cũng có liên quan chặt chẽ mật thiết với nhau. Do đó, việc phân biệt sự giống và khác nhau giữa chúng là việc làm cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận - thực tiễn.

Cũng giống nh- quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hiện nay trong Bộ luật hình sự năm 1999, nhà làm luật không ghi nhận định nghĩa pháp lý của khái niệm phạm tội nhiều lần và trong khoa học luật hình sự cũng còn nhiều quan điểm khác nhau nh- : "*phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành một tội phạm độc lập, nh- ng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án*" [44, tr. 32] hoặc:

Phạm tội nhiều lần là tr- ờng hợp ng- ời phạm tội thực hiện phạm tội từ hai lần trở lên, trong đó các tội phạm đã thực hiện có thể là các tội phạm cùng hoặc không cùng loại. Phạm tội nhiều lần bao gồm cả các tr- ờng hợp khi một ng- ời thực hiện các tội phạm đã hoàn thành lần các tội phạm ch- a hoàn thành [15, tr. 148].

Tuy nhiên, theo chúng tôi d- ối góc độ khoa học luật hình sự, phạm tội nhiều lần có thể đ- ợc định nghĩa: *Ng- ời phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nh- ng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm đến cùng một khách thể trực tiếp và ch- a đ- ợc đ- a ra truy tố, xét xử.* Theo đó, điều kiện để áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với ng- ời phạm tội khi: a) bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên về cùng một tội; b) các tội này đều phải ch- a bị xử lý; c) các tội này đều bị đ- a ra xét xử một lần trong một vụ án.

Nh- vậy, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần có một số đặc điểm giống nhau cơ bản d- ối đây.

Thứ nhất, chúng đều là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Phần chung, là tình tiết định khung hình phạt trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự năm 1999, thể hiện rõ nguyên tắc xử lý "ng nghiêm trị" trong chính sách hình sự nói chung và của luật hình sự Việt Nam nói riêng. Điều đó có nghĩa là ng- ời có hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hay phạm tội nhiều lần, đều phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi hơn so với ng- ời thực hiện hành vi phạm tội nh- ng không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hay tình tiết định khung hình phạt.

Thứ hai, ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và ng- ời phạm tội nhiều lần, đều là ng- ời đã phải phạm tội từ 02 lần trở lên về cùng một tội phạm. Nếu phạm tội từ 02 lần trở lên mà mỗi lần phạm vào một tội khác nhau, thì tr- ờng hợp này không đ- ợc xác định là phạm tội nhiều lần hay phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, bởi vì đây là hành vi phạm nhiều tội. Ví dụ: Trong khoảng thời gian từ tháng 3-2005 đến tháng 12-2006, Nguyễn Nh- T đã 01 lần trộm cắp đ- ợc 01 xe mô tô Dream II, 01 lần lừa đảo đ- ợc 05 triệu đồng, 01 lần

công nhiên chiếm đoạt 01 xe Cub 82, 01 lần c-ớp giạt đ-ợc 01 chiếc điện thoại di động Nokia N95 trị giá 04 triệu đồng và 01 lần phạm tội cố ý gây th-ơng tích và đều bị truy tố, xét xử cùng một lần về 05 hành vi phạm tội trên. Vì phạm nhiều tội không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên khi quyết định hình phạt, Tòa án sẽ quyết định hình phạt với từng tội và tổng hợp thành một hình phạt chung [19, tr. 5].

Ngoài ra, giữa phạm tội nhiều lần và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng có một số điểm khác nhau cơ bản d-ới đây.

Thứ nhất, đối với phạm tội nhiều lần, thì chỉ cần 02 lần ng-ời thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến cùng một khách thể và mỗi lần đều đã cấu thành một tội phạm và đ-ợc đ-à ra xét xử cùng một lần trong cùng một vụ án. Còn đối với phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, thì phải đủ từ 05 lần phạm tội trở lên theo nh- h-ớng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP và không phân biệt các lần phạm tội này đã bị xét xử hay ch-à bị xét xử chỉ cần vẫn nằm trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và ch-à đ-ợc xóa án tích mà thôi.

Thứ hai, một đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt sự khác nhau giữa các tình tiết này là, đối với tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì ng-ời phạm tội phải lấy các lần phạm tội làm nghề sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Còn đối với phạm tội nhiều lần, chỉ cần phạm tội 02 lần trở lên về cùng một tội, các tội này đều ch-à bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đ-ợc đ-à ra xét xử cùng một lần trong cùng một vụ án.

1.2. KHÁI LƯỢC SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.2.1. Giai đoạn từ khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công cho đến tr-ớc khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa - Nhà n-ớc công nông non trẻ đầu tiên ở Đông Nam Á, đã tiến

hành tích cực hoạt động lập pháp nói chung và hoạt động lập pháp hình sự nói riêng. Chỉ trong gần bốn tháng năm 1945 và năm 1946, Nhà nước ta đã ban hành một loạt các văn bản quy phạm pháp luật hình sự, đáp ứng yêu cầu giữ vững chính quyền nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển lực lượng, chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống ngoại xâm lâu dài của cả nước.

Tuy nhiên, do tình hình hết sức khẩn trương, không thể ban hành kịp các văn bản quy phạm pháp luật nói chung, văn bản quy phạm pháp luật hình sự cần thiết nói riêng nên ngày 10-10-1945, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 47-SL cho tạm thời giữ các luật lệ cũ, trong đó có bộ "*Luật hình An Nam*", bộ "*Hoàng Việt hình luật*" và bộ "*Hình luật pháp tu chính*" với điều kiện "*không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa*" [37, tr. 24].

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, từ tháng 12 năm 1946, toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, Quốc hội ta là Quốc hội kháng chiến, Chính phủ ta là Chính phủ kháng chiến, pháp luật ta cũng là pháp luật kháng chiến. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, do phải tập trung quy định các tội phạm liên quan đến sự an nguy của chính quyền nhân dân như các tội phản bội Tổ quốc, tội gián điệp, tội hối lộ, tham ô..., cho nên trong giai đoạn này, các tội xâm phạm chế độ sở hữu công - a đ- ợc quy định một cách cụ thể và vì thế, tính chất phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng công - a đ- ợc quy định.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời bị đế quốc Mỹ và bọn tay sai thống trị. Tình hình đó đã hình thành ở nước ta "*hai khu vực có chế độ chính trị và xã hội khác nhau*" [10, tr. 505]. Ở miền Bắc, Đảng ta chủ trương tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững chắc của cách mạng cả nước; ở miền Nam, tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay

sai, thống nhất đất nước. Trong thời kỳ này, những biểu hiện tiêu cực, vi phạm pháp luật và tội phạm đã diễn biến hết sức phức tạp; có nơi, có lúc và có mặt trở nên nghiêm trọng và kéo dài gây ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Trong tình hình đó, ngày 20-6-1961, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TVQH về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội. Trong đó đã đề cập đến vấn đề xử lý các phần tử lưu manh chuyên nghiệp:

Nay quy định việc tập trung để giáo dục cải tạo những phần tử dưới đây, từ 18 tuổi trở lên, có hành động nguy hại cho xã hội, đã được giáo dục nhiều lần mà không chịu hối cải, nên xét không cần đưa ra Tòa án nhân dân xử phạt:

a) Những phần tử phản cách mạng ngoan cố có hành động, phạm vi nguy hại đến an ninh chung.

b) Những phần tử lưu manh chuyên nghiệp [52].

Theo Nghị quyết này, những người bị giáo dục cải tạo, không bị coi phạm nhân có án phạt tù, nên trong thời gian giáo dục, cải tạo không được hưởng quyền công dân. Trong thời gian giáo dục, cải tạo những người được giáo dục cải tạo được hưởng một chế độ thích đáng về lao động, học tập, ăn ở và phải tuân theo kỷ luật giáo dục, cải tạo; nếu vi phạm kỷ luật đó thì tùy trường hợp nặng nhẹ sẽ bị truy tố trước Tòa án nhân dân hoặc bị xử lý về hành chính. Thời hạn giáo dục, cải tạo là 03 năm, những người thực sự cải tạo tốt sẽ được về trước thời hạn. Những người hết thời hạn 03 năm nên không chịu cải tạo có thể bị kéo dài. Ủy ban hành chính khu tự trị, thành phố và tỉnh trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương căn cứ vào đề nghị của Sở hoặc Ty Công an mà xét và quyết định những trường hợp cần tập trung để giáo dục, cải tạo. Quyết định này phải được Hội đồng Chính phủ duyệt ý trước khi thi hành.

Để các địa phương áp dụng thống nhất pháp luật, ngày 09-8-1961, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Thông tư số 121-CP hướng dẫn Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20-6-1961 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội. Theo đó, việc xác định thế nào là phần tử lưu manh chuyên nghiệp và đường lối xử lý đã được quy định tại điểm b phần II Thông tư này, cụ thể là:

1- Những tên cầm đầu lưu manh và những tên chuyên sống bằng nghề ăn trộm và tiêu thụ những thứ trộm cắp của người khác đã qua nhiều lần giáo dục cải tạo mà vẫn không chịu sửa chữa.

2- Những tên lưu manh trộm cắp đã tái phạm nhiều lần và không có nghề nghiệp, hoặc chỉ có nghề nguy hại chuyên sống bằng trộm cắp, lừa đảo và những tên chủ chứa bọn gái điếm hiện đang hoạt động.

3- Những tên tuy có nghề nghiệp nhưng quen thói trộm cắp, đã nhiều lần được nhân dân phê bình, giáo dục hoặc chính quyền cảnh cáo mà vẫn không chịu sửa chữa.

4- Những tên luôn luôn phá rối trật tự trị an, có hành động côn đồ, ngang ngược, không tôn trọng pháp luật Nhà nước, qua nhiều lần giáo dục và chính quyền cảnh cáo vẫn không chịu sửa chữa.

5- Những tên đã bị quản chế nhưng ngoan cố không chịu cải tạo, tuân theo kỷ luật quản chế.

6- Những tên lưu manh chuyên nghiệp đã hết hạn tù nhưng vẫn tiếp tục phạm tội.

Đối với các đối tượng sau đây thì không dùng biện pháp đưa đi tập trung giáo dục cải tạo mà phải dùng các biện pháp trừng trị hoặc các biện pháp hành chính khác thích hợp với từng đối tượng:

1- Những phần tử phản cách mạng và lưu manh chuyên nghiệp cần trừng trị thì phải đưa ra Tòa án nhân dân xét xử.

2- Những phần tử phản cách mạng và l-u manh chuyên nghiệp đang hoạt động ngấm ngấm mà Công an đang theo dõi thì phải tiếp tục công tác điều tra để tìm ra toàn bộ âm m-u, tổ chức và hoạt động của chúng.

3- Những phần tử phản cách mạng và l-u manh chuyên nghiệp có tội nhẹ có thể để cải tạo ở địa ph-ong đ-ợc thì phải dựa vào nhân dân, vào các đoàn thể quần chúng, vào các hợp tác xã mà tiến hành giáo dục, cải tạo hoặc quản chế ở địa ph-ong [37, tr. 181].

Nh- vậy có thể nói, Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20-6-1961 của Ủy ban th-ờng vụ Quốc hội là văn bản pháp lý đầu tiên và cao nhất của Nhà n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa đã quy định về đ-ờng lối xử lý các phần tử l-u manh chuyên nghiệp, là nền móng cho việc quy định các hình thức xử lý hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự sau này.

Lần đầu tiên trong hoạt động lập pháp hình sự của Nhà n-ớc ta, vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ-ợc quy định tại Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21-10-1970 và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21-10-1970. Cụ thể nh- sau:

Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ra đời nhằm bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, góp phần tăng c-ờng tiềm lực kinh tế và quốc phòng, bảo vệ nền văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo đảm giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu n-ớc; đồng thời đề cao đạo đức xã hội chủ nghĩa, động viên mọi ng-ời ra sức đấu tranh chống những hành động xâm phạm tài sản đó. Trong Pháp lệnh này, đ-ờng lối xử lý hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã đ-ợc quy định ngay tại Điều 3: "*Nguyên tắc trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa là nghiêm trị bọn l-u manh chuyên nghiệp, bọn tái phạm, bọn phạm tội có tổ chức*" [50]. Trong các điều luật quy định về tội phạm của Pháp lệnh, tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" đều đ-ợc quy định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt

tại 06 điều luật, đó là: Điều 4- Tội c- ớp tài sản xã hội chủ nghĩa; Điều 5- Tội c- ớp giạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Điều 7- Tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa; Điều 9- Tội c- ồng đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Điều 10- Tội lừa đảo để chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Điều 17- Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản xã hội chủ nghĩa bị chiếm đoạt. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 20 phần III của Pháp lệnh còn quy định:

Kẻ nào phạm những tội quy định ở Chương II, ngoài những hình phạt đã ghi ở mỗi điều, còn có thể bị phạt thêm như sau: ...phạm một trong những tội quy định ở các điều 4, 5, 6, 7, 9, 10, 17, trong trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, thì có thể bị phạt quản chế, c- trú bắt buộc ở một số địa phương từ 1 năm đến 5 năm [50].

Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21-10-1970 cũng đã quy định về nguyên tắc xử lý đối với hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là "nghiêm trị bọn l- u manh chuyên nghiệp, bọn tái phạm, bọn phạm tội có tổ chức" [49, Điều 2] và:

Kẻ nào phạm những tội quy định tại Chương II thì, ngoài những hình phạt chính đã ghi ở mỗi điều, còn có thể bị phạt thêm như sau: ...phạm một trong những tội quy định ở các điều 3, 4, 5, 6, 7, 9, 13, trong những trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, thì có thể bị phạt quản chế, c- trú bắt buộc hoặc cấm c- trú ở một số địa phương từ 1 năm đến 5 năm [49, khoản 2 Điều 16)].

Trong Pháp lệnh này, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng đ- ợc quy định là tình tiết tăng nặng định khung tại 06 điều luật, đó là: Điều 3- Tội c- ớp tài sản riêng của công dân; Điều 4- Tội c- ớp giạt tài sản riêng của công dân; Điều 6- Tội trộm cắp tài sản riêng của công dân; Điều 7- Tội c- ồng đoạt tài sản riêng của công dân; Điều 9- Tội lừa đảo để chiếm đoạt tài sản riêng của công dân; Điều 13- Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản riêng của công dân bị chiếm đoạt.

Mặc dù, trong cả hai Pháp lệnh nêu trên đều đã quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nh- ng lại không xác định thế nào là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp dẫn đến việc áp dụng pháp luật của các Tòa án trong hoạt động xét xử gặp nhiều khó khăn.

Tr- ớc tình hình này, để các Tòa án áp dụng đúng, thống nhất pháp luật hình sự trong cả n- ớc, tại Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân năm 1971, Tòa án nhân dân tối cao đã h- ớng dẫn việc xác định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nh- sau:

Qua thực tiễn xét xử, có những tr- ờng hợp bị cáo có sức lao động mà không chịu lao động, sống lang thang trộm cắp nhiều lần, đã có nhiều tiền án, tiền sự, đã đi tập trung cải tạo sau khi ra tù lại tiếp tục trộm cắp, nh- ng Tòa án lại cho là không phải là l- u manh chuyên nghiệp, và chỉ xử phạt nhẹ... Coi là l- u manh chuyên nghiệp những tên chuyên lấy việc trộm cắp, lừa đảo, chứa chấp, tiêu thụ của gian, hoặc lấy các hành động phi pháp khác làm nguồn sống chính, hoặc tuy có nghề nghiệp nh- ng đó không phải là nguồn sống chính, có khi chỉ là để ngụy trang. Thông th- ờng những tên l- u manh chuyên nghiệp đều có tiền án, tiền sự nh- ng không có nên hiểu một cách máy móc là ngoài lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính, phải đã có nhiều tiền án mới coi là l- u manh chuyên nghiệp [37, tr. 247].

Ngay sau khi miền Nam đ- ợc giải phóng- thống nhất đất n- ớc, trong bối cảnh đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch vẫn ra sức chống phá Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam non trẻ. Tình hình kinh tế và xã hội của đất n- ớc gặp nhiều trở ngại, khó khăn; tình hình tội phạm có chiều h- ớng lan rộng và diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh h- ớng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Tr- ớc tình hình đó, ngày 15-3-1976, Hội đồng chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã

ban hành Sắc lệnh số 03/SL/76 quy định các tội phạm và hình phạt nhằm "*củng cố chính quyền cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ thân thể, tài sản và mọi quyền lợi hợp pháp của công dân*" [45, tr. 70] và ngày 30-6-1982, Hội đồng Chính phủ ban hành Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, quy định về tội danh và hình phạt đối với các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, nhằm "*ngăn chặn các hành động vi phạm chính sách quản lý thị trường, góp phần đẩy mạnh sản xuất, ổn định vật giá và bảo đảm đời sống nhân dân*". Mặc dù trong hai Pháp lệnh này, tuy không quy định "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là tình tiết tăng nặng trong các điều luật về tội phạm cụ thể, nhưng tại đoạn hai Điều 1 Phần III Sắc lệnh 03/SL/76 cũng đã quy định chế tài xử lý đối với những hành vi phạm tội này là "*Phạm những tội khác, trong trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, thì có thể bị phạt quản chế hoặc cấm lưu trú ở một số địa phương từ 1 năm đến 5 năm sau khi đã mãn hạn tù*" [45, tr. 70] và tại điểm a khoản 1 Điều 9 Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép cũng đã quy định tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" được xác định là những trường hợp phạm tội nghiêm trọng cần xử nặng hơn thông thường.

1.2.2. Giai đoạn từ khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời cho đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta kết thúc bằng đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước ta hoàn toàn thống nhất, cả nước bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với các cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam; nền kinh tế của đất nước đang bộc lộ những khó khăn, mất cân đối trầm trọng; những biểu hiện tiêu cực, vi phạm pháp luật và phạm tội diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt là những tàn dư của xã hội cũ, nhất là chế độ thực dân mới do bọn Mỹ- Ngụy để lại. Những thiếu

sót, sơ hở của ta về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, những khó khăn tr- ớc mắt về kinh tế, đời sống là những nguyên nhân chủ quan và điều kiện làm cho tình hình tiêu cực, vi phạm pháp luật và tội phạm ngày càng phát triển. Tình hình trên phải đ- ọc hạn chế, đẩy lùi và giải quyết một cách đồng bộ trên các mặt chính trị, kinh tế, hành chính, văn hóa, t- t- ởng và xã hội. Nhà n- ớc phải sử dụng triệt để, đầy đủ cả quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế để giữ vững kỷ c- ơng xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi phạm pháp và các tệ nạn xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực phòng, chống tội phạm.

Từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, Nhà n- ớc ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự. Những văn bản này đã góp phần bảo vệ những thành quả cách mạng đã đạt đ- ợc, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nh- ng nhìn chung đó là những văn bản pháp quy đơn hành, có nhiều trùng lặp, chồng chéo nhau không còn thật phù hợp với tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng do ch- a thể chế hóa đầy đủ đ- ờng lối, chính sách mới của Đảng và còn thiếu những chế định cơ bản, lâu dài của một Bộ luật hình sự hoàn chỉnh.

Vấn đề đặt ra là phải rà soát lại, đánh giá chính xác và hệ thống hóa các văn bản pháp luật hình sự hiện hành, đồng thời ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam hoàn chỉnh nhằm khắc phục hiện t- ợng phân tán, rời rạc và chắp vá và của các văn bản pháp luật hình sự tồn tại đến gần đây. Vì vậy, việc ban hành Bộ luật hình sự là vấn đề có tính tất yếu khách quan và cấp thiết, có ý nghĩa góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến l- ợc là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tr- ớc tình hình đó, ngày 27-6-1985, Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, tại kỳ họp thứ 9, đã thông qua Bộ luật hình sự, có hiệu lực từ ngày 1-1-1986 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1985).

Trong hệ thống pháp luật của n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, luật hình sự có vị trí rất quan trọng.

Nó là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa mọi hành vi phạm tội, góp phần hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa [27].

Có thể nói, Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời là một bước tiến lớn trong hoạt động lập pháp của Nhà nước ta nói chung và lập pháp hình sự nói riêng, nó đã kế thừa và phát triển Luật hình sự của Nhà nước ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay, tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở nước ta trong suốt 40 năm qua và có dự kiến hình diễn biến của tội phạm trong thời gian tới. Bộ luật hình sự đã trình bày một cách có hệ thống, toàn diện, đồng nhất, trong điều kiện lúc bấy giờ, về một lĩnh vực quan hệ xã hội thường được xem là một trong những loại phức tạp nhất. Từ phần chung bao gồm những nguyên tắc, những chế định chung của chính sách hình sự của một quốc gia, đến Phần các tội phạm, bao gồm một hệ thống hơn 200 tội danh có tính bao quát về tất cả các hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội mà trong điều kiện lúc bấy giờ, cần phải hình sự hóa để xử lý nghiêm. Tuy nhiên, có một điều đáng tiếc là Bộ luật hình sự năm 1985 đã không đề cập đến hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Qua hơn ba năm thực hiện, Bộ luật hình sự năm 1985 đã bộc lộ những hạn chế cần được khắc phục. Đó là từ thực tiễn xã hội, xuất hiện các đối tượng chuyên lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính của bản thân; do đó, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội này của bị cáo đối với xã hội cao hơn hành vi phạm tội thông thường (cơ bản) và vì thế, cần phải được quy định trong Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, tại kỳ họp thứ 6 ngày 28-12-1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự. Theo

đó, "tại điểm a của khoản 2 các điều 97, 129, 131, 132, 134, 149, 152, 154, 155, 157, 166, 201 và điểm b của khoản 2 các điều 153, 167 đ- ợc bổ sung các chữ "hoặc có tính chất chuyên nghiệp" (khoản 1 Điều 2). Bổ sung một điều mới là Điều 96a- Tội sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy (khoản 3 Điều 2); sửa đổi, bổ sung Điều 151- Tội c- ớp tài sản của công dân (khoản 7 Điều 2), Điều 165- Tội đầu cơ (khoản 8 Điều 2); trong các tội này, đều quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung.

Tại kỳ họp thứ 9 ngày 12-8-1991, Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự. Trong đó, đáng chú ý là tại khoản 13 Điều 2 của Luật này đã sửa đổi, bổ sung tình tiết phạm tội "có tính chất chuyên nghiệp" vào khoản 2 Điều 201- Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do ng- ời khác phạm tội mà có.

Tại kỳ họp thứ 2 ngày 22-12-1992, Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự. Trong Luật này, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vẫn tiếp tục đ- ợc quy định là tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 các Điều 97 (Tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới), 134 (Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa) và 167 (Tội làm giả, tội buôn bán hàng giả).

Tại kỳ họp thứ 11 ngày 10-5-1997, Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự. Trong đó, cũng đã quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 3 của một số điều luật mới là Điều 185b- Tội sản xuất trái phép chất ma túy, Điều 185đ- Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Nh- vậy, có thể thấy từ năm 1985 đến năm 1997, trong vòng 12 năm, Bộ luật hình sự năm 1985 đã đ- ợc sửa đổi, bổ sung 04 lần. Qua các lần sửa

đổi, vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã đ- ợc Nhà n- ớc đề cập và đ- ợc quy định thành tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Việc sửa đổi, bổ sung này là rất cần thiết, đáp ứng các yêu cầu có tính bức xúc, thời sự tr- ớc thực trạng tình hình tội phạm có chiều h- ớng gia tăng, đặc biệt là tình hình phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong giai đoạn xã hội ta đang chuyển đổi cơ chế, từ mô hình quản lý kinh tế kế hoạch, tập trung, quan liêu, bao cấp sang mô hình quản lý kinh tế thị tr- ờng, theo định h- ớng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý, điều tiết của Nhà n- ớc.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 cho đến nay

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời đã phát huy vai trò, tác dụng to lớn trong công cuộc bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần giáo dục mọi ng- ời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, nâng cao ý thức phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên, do Bộ luật hình sự năm 1985 đ- ợc xây dựng và ban hành trong điều kiện của nền kinh tế hiện vật, kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, ch- a có nhiệm vụ và ch- a thể quy định những tội danh cần đ- ợc xử lý nghiêm khắc về mặt hình sự của nền kinh tế thị tr- ờng. Nhiều loại tội phạm mới xuất hiện trong nền kinh tế thị tr- ờng mà nếu không đ- ợc ngăn chặn kịp thời thì có thể gây ra nhiều hệ quả rất nguy hại cho xã hội. Bên cạnh đó, cũng cần phải xem xét, rà soát lại một cách toàn diện các tội phạm về kinh tế, về sở hữu để có những sửa đổi, bổ sung thích hợp cả về dấu hiệu pháp lý cũng nh- chính sách xử lý nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Mặc dù đã trải qua bốn lần sửa đổi, bổ sung, nh- ng nhiều quy định của Bộ luật hình sự đã trở nên bất cập, không đáp ứng đ- ợc đầy đủ yêu cầu phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới. Đồng thời, kết quả tổng

kết thi hành pháp luật hình sự cũng cho thấy, một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 phản ánh điều kiện, hoàn cảnh lúc bấy giờ đã bộc lộ những bất cập cần phải đ- ọc sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới

Bên cạnh những tồn tại về mặt nội dung nêu trên, Bộ luật hình sự năm 1985 cũng có những hạn chế nhất định về kỹ thuật lập pháp, nh- nhiều tội danh quy định còn quá chung; bố cục một số ch- ơng, điều ch- a thật hợp lý; nhiều hành vi phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau nh- ng lại đ- ọc quy định trong cùng một điều luật với một chế tài xử phạt; khung hình phạt trong nhiều điều luật lại quá rộng khiến hiệu quả xử lý ngay trong luật đã không nghiêm. Những nh- ọc điểm này đã gây không ít trở ngại cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, làm ảnh h- ưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác phòng ngừa và chống tội phạm.

Bởi thế, việc sửa đổi toàn diện Bộ luật hình sự năm 1985 là một đòi hỏi tất yếu khách quan của hoạt động lập pháp hình sự. Đáp ứng yêu cầu đó, tại kỳ họp thứ 6 ngày 21-12-1999, Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X đã thông qua Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1999), thay thế cho Bộ luật hình sự năm 1985; Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực từ ngày 1-7-2000.

Trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999, ngay tại Điều 3 đã quy định nguyên tắc xử lý đối với ng- ời có hành vi phạm tội là:

Nghiêm trị ng- ời chủ m- u cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, l- u manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; ng- ời phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng [29].

Nh- vậy có thể thấy rằng, ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một trong các đối t- ượng đ- ọc các nhà làm luật xác định có tính nguy hiểm cao cho xã hội và cần phải bị trấn áp, nghiêm trị.

Kế thừa các quy định của pháp luật hình sự trước đây, lần đầu tiên Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 48. Trong trường hợp tình tiết này đã được xác định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Việc quy định như trên đảm bảo không bị bỏ sót hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp khi xử lý, đồng thời là một bước tiến mới trong hoạt động lập pháp và kỹ thuật lập pháp hình sự, khẳng định sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc đấu tranh phòng và chống hình thức phạm tội này trong tình hình mới.

Trong Phần các tội phạm, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại 16 điều luật, cụ thể là: Điều 119- Tội mua bán phụ nữ; Điều 120- Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; Điều 133- Tội cướp tài sản; Điều 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 135- Tội cướp đoạt tài sản; Điều 136- Tội cướp giật tài sản; Điều 138- Tội trộm cắp tài sản; Điều 139- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Điều 153- Tội buôn lậu; Điều 155- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm; Điều 156- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả; Điều 157- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; Điều 193- Tội sản xuất trái phép chất ma túy; Điều 248- Tội đánh bạc; Điều 249- Tội tổ chức đánh bạc; Điều chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Điều 255- Tội môi giới mại dâm.

Kể từ khi ra đời đến nay, Bộ luật hình sự đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, qua 08 năm thi hành, Bộ luật hình sự năm 1999 đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế đòi hỏi phải được khắc phục, cụ thể như :

Thứ nhất, do ban hành từ năm 1999 nên Bộ luật hình sự ch- a thể chế hóa đ- ợc những quan điểm, chủ tr- ơng mới của Đảng về cải cách t- pháp đ- ợc thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác t- pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến l- ợc cải cách t- pháp đến năm 2020.

Thứ hai, một số quy định của Bộ luật hình sự về cấu thành của một số tội phạm (nh- : các tội phạm về môi tr- ờng, các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin) còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này trên thực tế.

Thứ ba, một số quy định của Bộ luật hình sự tỏ ra không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội hiện nay, cũng nh- ch- a đáp ứng đ- ợc yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện mới. Ví dụ: mức định l- ợng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự đ- ợc quy định với một số tội chiếm đoạt tài sản, tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và một số tội phạm khác có liên quan đến tài sản đã lạc hậu, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội hiện nay; các quy định về tội xâm phạm quyền tác giả và tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ch- a đáp ứng yêu cầu mới do hội nhập quốc tế đặt ra; mức phạt tiền đối với các tội phạm, nhất là các tội phạm kinh tế bộc lộ nhiều bất cập so với tình hình giá cả hiện nay.

Thứ t- , Bộ luật hình sự năm 1999 ch- a cập nhật đ- ợc những hành vi nguy hiểm cho xã hội đòi hỏi phải xử lý về mặt hình sự mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế, nhất là trong một số lĩnh vực nh- : công nghệ thông tin, chứng khoán, tài chính-kế toán, sở hữu trí tuệ v.v...

Thứ năm, Bộ luật hình sự đ- ợc ban hành từ năm 1999, trong bối cảnh n- ớc ta ch- a hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nhiều điều - ớc quốc tế chúng ta ch- a có điều kiện gia nhập, do vậy, ch- a phản ánh đ- ợc những đặc

điểm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện hội nhập quốc tế, nhất là các tội phạm mang tính quốc tế nh- : khủng bố, buôn bán ng- ời, rửa tiền, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Do đó, ch- a tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các điều - ớc quốc tế về phòng, chống tội phạm, nh- : ba Công - ớc của Liên hợp quốc về phòng, chống ma túy, các điều - ớc quốc tế liên quan đến chống khủng bố, buôn bán ng- ời, rửa tiền v.v..., cũng nh- việc thực hiện t- ơng trợ t- pháp về hình sự giữa n- ớc ta với các n- ớc [11, tr. 3].

Từ những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết trong điều kiện phát triển về kinh tế và xã hội hiện nay của n- ớc ta. Ngày 19-6-2009, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2010. Kế thừa các quy định của pháp luật hình sự tr- ớc đây, Luật này vẫn tiếp tục đề cập đến vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; cụ thể là: trong số 13 điều luật đ- ợc bổ sung quy định về các tội danh mới (Điều 164a- Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà n- ớc; Điều 164b- Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà n- ớc; Điều 170a- Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; Điều 181a- Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán; Điều 181b- Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán; Điều 181c- Tội thao túng giá chứng khoán; Điều 182a- Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại; Điều 182b- Tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi tr- ờng; Điều 191a- Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại; Điều 226a- Tội truy cập bất hợp pháp vào mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số của ng- ời khác; Điều 226b- Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; Điều 230a- Tội khủng bố và 230b- Tội tài trợ khủng bố), thì có 02 điều luật (164a và 226b) quy định phạm tội có tính

chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 2 của điều luật; có 01 điều luật đ- ợc sửa đổi, đã bổ sung tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (Điều 251).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc là tình tiết định khung hình phạt trong các điều luật về các tội phạm, nên nó có mối quan hệ chặt chẽ với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác và với các tội danh cụ thể trong Bộ luật hình sự. Do đó, có thể khẳng định rằng, khái niệm và các cơ sở pháp lý của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng xuất phát từ khái niệm và cơ sở của tội phạm. Cho nên, việc xác định và áp dụng đúng đắn tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thực tiễn sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của Nhà n- ớc, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là hành vi của một ng- ời lấy việc phạm tội làm nghề sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn thu nhập chính và đã cố ý phạm tội nhiều lần về một hoặc các tội phạm, không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay ch- a bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu ch- a hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ch- a đ- ợc xóa án tích. Việc phân tích cơ sở lý luận về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp ở chương 1 là nền tảng để đánh giá thực trạng các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp tại chương 2.

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP TRONG PHẦN CHUNG CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ

2.1.1. Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Bộ luật hình sự

Theo Từ điển Tiếng Việt, nguyên tắc là "*phép gốc, lý lẽ chính đáng coi là phép tắc gốc để dựa vào đó mà làm việc, mà suy nghĩ*" [53, tr. 832]. Từ đó, có thể xác định nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự là những nguyên tắc, phương châm chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ quá trình xây dựng và áp dụng các quy định của pháp luật hình sự vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tại Điều 3 "Nguyên tắc xử lý" của Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định:

- 1. Mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng quy định của pháp luật.*
- 2. Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.*

Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lợi dụng, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng.

Khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

3. Đối với ng-ời lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

4. Đối với ng-ời bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt trong trại giam, phải lao động, học tập để trở thành ng-ời có ích cho xã hội; nếu họ có nhiều tiến bộ thì xét để giảm việc chấp hành hình phạt.

5. Ng-ời đã chấp hành xong hình phạt đ-ợc tạo điều kiện làm ăn, sinh sống l-ong thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì đ-ợc xóa án tích [29, tr. 15].

Điều 3 Bộ luật hình sự có 5 khoản quy định chính sách hình sự của Đảng và Nhà n-ớc ta trong xử lý tội phạm, từ khi tội phạm mới xảy ra cho đến khi ng-ời có hành vi phạm tội bị kết án và chấp hành xong hình phạt. Điều này phản ánh ph-ơng châm đấu tranh phòng, chống tội phạm và kết quả thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trên đất n-ớc ta; đồng thời cũng thể hiện rõ các nguyên tắc của pháp luật hình sự của Nhà n-ớc ta nh- : pháp chế, bình đẳng, nhân đạo, công bằng.

Có ý kiến cho là không cần quy định Điều 3 này vì nó chung chung, không quy định gì cụ thể về mặt pháp lý; cần vận dụng tinh thần định thể hiện tại điều này vào các điều nói về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vào việc quy định các tội phạm cụ thể v.v...; các khoản 3 và 4 quy định trùng với luật tố tụng hình sự, việc nêu ra những con ng-ời cụ thể trong khoản 2 (ng-ời chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, l- u manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; ng-ời phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng) về nguyên tắc xử lý là thiếu khách quan về mặt kỹ thuật lập pháp, lẽ ra chỉ nêu các loại hành vi.

Sự thật, Điều 3 đ- ọc khẳng định là rất cần thiết, vì nó thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà n- ớc ta và là t- t- ổng chỉ đạo toàn bộ Bộ luật hình sự. Cũng có thể vận dụng tinh thần của điều luật này vào các điều khoản khác, nh- ng chính sách hình sự sẽ không đ- ọc tập trung, không làm nổi bật đ- ọc, do đó, khó có căn cứ rõ ràng để giáo dục, quán triệt. Các văn bản pháp luật hình sự đơn hành tr- ớc đây (khi Bộ luật hình sự ch- a ra đời) đều có nhiều văn bản nói đến chính sách hình sự, nh- ng không đầy đủ, không toàn diện vì mỗi văn bản pháp quy có một yêu cầu nội dung riêng. Nay, Bộ luật hình sự hoàn chỉnh không thể bỏ qua dịp thể hiện chính sách hình sự một cách toàn diện. Luật hình sự là luật về nội dung, luật tố tụng hình sự là luật về hình thức. Hai luật đó có khác nhau và không thể trùng lặp nhau đ- ọc. Nh- ng hai luật đó lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và phải dựa vào nhau để tồn tại. Do đó, nếu chính sách hình sự đ- ọc thể hiện một cách toàn diện trong luật hình sự, thì không thể không đề cập phần nào đến lĩnh vực tố tụng hình sự. Chính sách hình sự th- ờng nhằm vào hành vi nh- ng nếu có đề cập đến loại ng- ời nào (ví dụ: ng- ời chủ m- u, cầm đầu, chỉ huy, phạm tội chuyên nghiệp...), thì cũng là nói đến hành vi phản ánh bản chất của những con ng- ời này.

Khoản 1 của điều luật này nêu đ- ồng lối chung của nguyên tắc xử lý. Hành vi phạm tội của bất cứ ai cũng đều phải đ- ọc phát hiện kịp thời: ai cũng có quyền phát hiện và phát hiện về bất cứ ai; cần hết sức khắc phục tình trạng có hành vi phạm tội còn đ- ọc giấu giếm hoặc không bị phát hiện. Hành vi phạm tội đã đ- ọc phát hiện thì phải đ- ọc thẩm tra kỹ l- ỡng để có kết luận rõ ràng đúng, sai, tính chất và mức độ của hành vi. Hành vi phạm tội đ- ọc kết luận rõ ràng thì phải đ- ọc xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà áp dụng các biện pháp xử lý khác nhau, bảo đảm cho mọi hành vi phạm tội phải đ- ọc xử lý theo đúng pháp luật. Không đ- ọc bỏ qua hành vi phạm tội nào không bị xử lý, đồng thời không để một công dân nào bị xử lý trái pháp luật, không để lọt kẻ phạm tội, nh- ng cũng không đ- ọc làm oan ng- ời phạm tội.

Phát hiện kịp thời cùng với thẩm tra kỹ lưỡng, kết luận rõ ràng về tội phạm phải dẫn tới kết quả là xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Đó là các yêu cầu có quan hệ chặt chẽ với nhau và hình thành nên nguyên tắc xử lý mọi hành vi phạm tội.

Đối với hành vi được kết luận rõ ràng là phạm tội, việc xử lý nhanh chóng, công minh phải tuân theo chính sách cơ bản được thể hiện một cách tổng hợp trong nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng là: *"Trấn áp kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, cải tạo"* [36, tr. 28] và được thể hiện một cách cụ thể thành nguyên tắc trừng trị quy định ở khoản 2.

Khoản 2 của điều luật quy định nguyên tắc xử lý là nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, ngoan cố, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng vì đây đều là những đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội cao hơn các đối tượng khác; trong đó đáng chú ý là, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự, Bộ luật hình sự năm 1999 đã đưa người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vào diện phải nghiêm trị, điều này thể hiện nhận thức của các nhà làm luật đã coi người có hành vi phạm tội chuyên nghiệp có tính nguy hiểm cho xã hội rất cao và vì thế, việc trừng trị đối với các đối tượng này là cần thiết nhằm ngăn chặn và đẩy lùi loại tội phạm này.

Chính sách hình sự này xuất phát từ yêu cầu bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội, chống mọi sự phá hoại của các loại kẻ thù bên ngoài và bên trong, từ yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong tình hình mới, một tất yếu khách quan, một quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa-là thể hiện đức tính truyền thống nhân ái, độ lượng của dân tộc ta, đồng thời cũng xuất phát từ thực tế tình hình hàng ngũ bọn chống đối cách mạng, chống chính quyền nhân dân và bọn tội phạm khác.

Nghiêm trị không có nghĩa là nhất thiết phải xử tử hình hoặc tù chung thân, mà phải cân nhắc, đánh giá đúng đắn tính chất nghiêm trọng của tội

phạm, tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân ng-ời phạm tội và trong phạm vi đ-ờng lối, pháp luật đối với từng tội phạm cụ thể, có quyết định trừng trị nghiêm khắc, không do dự, không rụt rè.

Trấn áp và trừng trị cùng với khoan hồng và giáo dục cải tạo là hai mặt có quan hệ và phải kết hợp chặt chẽ với nhau. Có kiên quyết nghiêm trị bọn tội phạm nguy hiểm thì mới có điều kiện xử lý khoan hồng rộng rãi bọn tội phạm ít nguy hiểm. Ng-ợc lại, càng khoan hồng rộng rãi bọn chủ m-u, cầm đầu thì lại càng có điều kiện phân hóa cao độ bọn chủ m-u, cầm đầu, cô lập và đánh mạnh bọn nguy hiểm đặc biệt.

Mặt khác, dù là tính nghiêm trị hay khoan hồng đều phải thể hiện đ-ợc tính giáo dục, cải tạo. Điều đó có ý nghĩa không vùi dập ng-ời phạm tội; không dồn họ vào con đ-ờng cùng, mà là nâng đỡ, mở đ-ờng cho họ trở lại thành ng-ời công dân l-ợng thiện; nó có tác dụng phòng ngừa riêng đối với ng-ời phạm tội và cũng có tác dụng phòng ngừa chung đối với những ng-ời có ý định phạm tội.

Đối với ng-ời lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng đã hối cải, đã biết ăn năn hối lỗi về tội phạm mà mình đã thực hiện, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù (nh- : cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ) và giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

Đối với ng-ời bị phạt tù, thì buộc họ phải chấp hành hình phạt trong Trại giam, phải lao động, học tập để trở thành ng-ời có ích cho xã hội; nếu họ có nhiều tiến bộ thì xét để giảm việc chấp hành hình phạt. Ng-ời đã chấp hành xong hình phạt đ-ợc tạo điều kiện làm ăn, sinh sống l-ợng thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì đ-ợc xóa án tích.

2.1.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự

Tội phạm là một hiện t-ợng xã hội. Tội phạm xảy ra xâm phạm đến các quan hệ xã hội khác nhau có tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau,

nh- ng nếu cùng xâm phạm đến một quan hệ xã hội, thì mỗi hành vi phạm tội cũng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Nếu tính chất và mức độ xâm phạm nh- nhau thì vẫn có những yếu tố khác nhau nh- : nhân thân ng- ời phạm tội, không gian, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội v.v... Chính do sự khác nhau này mà nhà làm luật không thể quy định mức hình phạt cụ thể cho từng hành vi phạm tội mà chỉ quy định khung hình phạt cho một nhóm hành vi giống nhau cơ bản về chất nh- ng khác nhau về l- ợng. Sự khác nhau về l- ợng phụ thuộc vào nhiều yếu tố và đ- ợc nhà làm luật quy định thành hai nhóm tình tiết có nội dung trái ng- ợc nhau là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nếu nh- tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết trong một vụ án cụ thể nó làm giảm trách nhiệm hình sự của ng- ời phạm tội trong một khung hình phạt, thì *"tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết trong một vụ án cụ thể làm tăng mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và ng- ời phạm tội phải chịu một hình phạt nghiêm khắc hơn trong một khung hình phạt"* [44, tr. 10].

Điều 48 "Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự" của Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định 14 nhóm tình tiết tăng nặng, (từ điểm a đến điểm o khoản 1 của điều luật). Trong đó, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định là một tình tiết tăng nặng tại điểm b khoản 1 Điều 48. Đây là tình tiết tăng nặng mới, lần đầu tiên đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, thể hiện nội dung nghiêm trị trong đ- ờng lối và chính sách hình sự của Đảng và Nhà n- ớc ta, bảo đảm thực hiện tốt hơn nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt. Khi áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nói riêng quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, cần l- u ý: nếu những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không đ- ợc coi là tình tiết tăng nặng.

Mặc dù tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã đ- ợc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đây là căn cứ pháp lý

quan trọng trong việc xử lý các đối tượng chuyên lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống. Tuy nhiên, trong Bộ luật hình sự năm 1999 lại chưa xác định thế nào là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên các cơ quan tiến hành tố tụng thường gặp rất nhiều khó khăn khi xác định, vận dụng tình tiết này vào việc giải quyết các vụ án. Qua thực tiễn công tác xét xử của các Tòa án cho thấy, khi gặp vấn đề này, đa số các Tòa án đều bỏ qua, không áp dụng hoặc nếu có thì lại áp dụng không đúng, có trường hợp, bị cáo chỉ phạm tội nhiều lần hoặc tái phạm, tái phạm nguy hiểm thì lại bị coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; thậm chí phạm tội có tổ chức cũng bị coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và ngược lại, có trường hợp bị cáo phải bị áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì Tòa án lại chỉ xác định bị cáo phạm tội nhiều lần hoặc tái phạm. Để các Tòa án áp dụng đúng, thống nhất pháp luật, ngày 12-5-2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, trong đó tại mục 5 đã hướng dẫn về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 và một số điều luật trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự như sau:

5.1. Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích;

b) Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

5.2. Khi áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", cần phân biệt:

a. Đối với những trường hợp phạm tội từ năm lần trở lên mà trong đó có lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích thì tùy

tr- ờng hợp cụ thể mà ng- ời phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết là "phạm tội nhiều lần", "tái phạm" (hoặc "tái phạm nguy hiểm") và "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp".

b. Đối với tội phạm mà trong điều luật có quy định tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là tình tiết định khung hình phạt thì không đ- ợc áp dụng là tình tiết tăng nặng t- ơng ứng quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tr- ờng hợp điều luật không có quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt thì phải áp dụng là tình tiết tăng nặng t- ơng ứng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự [43, tr. 16].

Khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định "*Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới..., thì không đ- ợc áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện tr- ớc khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*" [29]. Ngày 21-12-1999, Quốc hội khóa X đã ban hành Nghị quyết số 32/1999/QH10 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, tại điểm c mục 2 Nghị quyết này đã quy định về việc áp dụng một tình tiết tăng nặng mới là không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra tr- ớc 0 giờ 00 ngày 01-7-2000 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử. Nh- vậy, nếu tr- ớc ngày Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành (ngày 01-7-2000), ng- ời phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội "có tính chất chuyên nghiệp", mà sau khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành thì ng- ời phạm tội mới bị phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử, thì không đ- ợc coi tình tiết trên là tình tiết tăng nặng đối với ng- ời phạm tội, vì theo h- ướng dẫn tại điểm c khoản 2 Thông t- liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP- BCA ngày 05-7-2000 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ T- pháp và Bộ Công an h- ướng dẫn thi hành Điều 7 Bộ luật hình sự năm 1999 và mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21-12-2000 của Quốc hội, thì tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, chỉ coi là tình tiết tăng nặng mới nếu Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định, nh- ng Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1985 không quy định đó là tình tiết tăng nặng, còn các tình tiết đã đ- ợc Bộ luật hình sự năm 1985 quy định là tình tiết định khung thì không phải là tình tiết tăng nặng mới của Bộ luật hình sự năm 1999; do đó, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp "*không phải là tình tiết tăng nặng mới mà đó chỉ là các quy định khác không có lợi cho ng- ời phạm tội*" [41, tr. 12].

2.2. CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP TRONG PHẦN CÁC TỘI PHẠM CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ

2.2.1. Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch- ơng XII- "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con ng- ời" của Bộ luật hình sự

Ch- ơng XII Bộ luật hình sự năm 1999 quy định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con ng- ời, gồm 30 điều luật, t- ơng ứng với 30 tội danh khác nhau. So với Bộ luật hình sự năm 1985, các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con ng- ời đầy đủ hơn, chi tiết hơn, phản ánh đ- ợc thực trạng công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong thời gian qua; giúp cho việc điều tra, truy tố mà đặc biệt là việc xét xử loại tội phạm này sẽ thuận lợi hơn tr- ớc đây.

Về vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, kế thừa các quy định của các lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1985 tr- ớc đây, Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định tình tiết "*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*" là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 2 của các Điều 199-Tội mua bán phụ nữ và Điều 120-Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em.

Theo đánh giá của Chính phủ tại Tờ trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999, tại Việt Nam, trong vòng hơn một

chục năm trở lại đây, tình hình mua bán phụ nữ, trẻ em xảy ra ngày càng phức tạp, nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng, đặc biệt, vừa qua đã xuất hiện một số vụ buôn bán nam giới. Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ quy định tội mua bán phụ nữ (Điều 119) và tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120). Chính vì vậy, hiện nay chúng ta có cơ sở pháp lý để trừng trị những hành vi buôn bán nam giới từ đủ 16 tuổi trở lên. Bên cạnh đó, cấu thành của các tội này quy định tại các Điều 119 và 120 của Bộ luật hình sự năm 1999 cũng còn những điểm chưa thật sự phù hợp với các chuẩn mực quốc tế như: hành vi mua bán phụ nữ, trẻ em theo pháp luật Việt Nam không bao gồm những hành vi tuyển mộ, chứa chấp; thủ đoạn cưỡng bức, lừa gạt, man trá v.v... và mục đích bóc lột cũng không phải là yếu tố cấu thành bắt buộc của các tội này theo pháp luật Việt Nam. Trước tình hình đó, để tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống buôn bán người ở nước ta và thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này, ngày 19-6-2009, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, có hiệu lực từ ngày 01-01-2010, trong đó đã sửa đổi Điều 119- Tội mua bán phụ nữ, thành Tội mua bán người, đồng thời cũng tiến hành sửa đổi khoản 2 Điều 120, nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm buôn bán người trong tình hình mới, đảm bảo phù hợp với luật pháp quốc tế.

So với tội mua bán phụ nữ quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1985, nay là tội mua bán người quy định tại Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, thì khác biệt lớn nhất của tội mua bán người là về đối tượng bị buôn bán là người (không phân biệt giới tính) đã trở nên thành nói chung, chứ không còn bó hẹp là phụ nữ. Như vậy, kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự có hiệu lực (ngày 01-01-2010) trở đi, thì hành vi buôn bán người, bao gồm cả nam giới và nữ giới đều bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 119 Bộ luật hình sự. Điều 119 quy định hai khung hình phạt chính, khung hình phạt cơ bản (khoản 1) có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, là tội phạm nghiêm trọng; khung hình phạt tăng nặng (khoản 2) có mức hình phạt tù

từ 05 năm đến 20 năm, là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tại khoản 2 Điều 119 quy định 07 tình tiết định khung, trong đó, đáng chú ý là tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại Điểm c. Theo các nhà luật học thì, phạm tội buôn bán ng-ời có tính chất chuyên nghiệp là việc ng-ời phạm tội lấy việc buôn bán ng-ời là nguồn sống chính cho mình. Khi áp dụng tình tiết này cần l- u ý rằng, khái niệm chuyên nghiệp ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một ng-ời vì không thể coi phạm tội là một nghề để kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó đ- ợc lặp đi, lặp lại nhiều lần và ng-ời phạm tội coi việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống. Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết mới, lần đầu tiên đ- ợc quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; do đó những hành vi buôn bán phụ nữ có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc thực hiện tr- ớc 0 giờ 00 ngày 01-7-2000 (ngày Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực) mà sau 0 giờ 00 ngày 01-7-2000 mới bị phát hiện, xử lý thì ng-ời phạm tội chỉ bị xử lý theo khoản 1 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với việc xử lý hành vi buôn bán nam giới, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19-6-2009 của Quốc hội khóa XII về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, thì Điều 119 Bộ luật hình sự chỉ áp dụng đối với ng-ời thực hiện hành vi này từ ngày 0 giờ 00 ngày 01-01-2010.

Đối với tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em quy định tại Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, là tội phạm tr- ớc đây đ- ợc quy định tại Điều 149 Bộ luật hình sự năm 1985, thuộc ch- ơng Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình và các tội phạm đối với ng-ời ch- a thành niên, với tên tội danh là "Tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em". Nay đ- ợc đ- a về Ch- ơng XII - Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con ng-ời của Bộ luật hình sự năm 1999, với tên tội danh là "Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em" là hoàn toàn chính xác về mặt kỹ thuật luật pháp và thực tiễn xét xử, vì tội phạm này đích thực xâm phạm đến tính mạng,

sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con ng-ời mà ng-ời bị xâm phạm là trẻ em. Nếu tr-ớc đây chỉ quy định hành vi bắt trộm trẻ em, nh-ng thực tiễn có nhiều tr-ờng hợp ng-ời phạm tội không bắt trộm mà dùng nhiều thủ đoạn, thậm chí dùng cả vũ lực để bắt trẻ em, nên nhà làm luật thay từ " bắt trộm" trẻ em thành từ "chiếm đoạt" trẻ em là hoàn toàn chính xác.

Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định 02 khung hình phạt. Khung hình phạt cơ bản (khoản 1) có mức phạt tù từ 03 năm đến 10 m-ời năm, là tội phạm rất nghiêm trọng. Khung hình phạt tăng nặng (khoản 2) có mức phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, là tội đặc biệt nghiêm trọng.

Cũng giống nh- những tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp khác, phạm tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em có tính chất chuyên nghiệp là tr-ờng hợp ng-ời phạm tội lấy việc mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt đ-ợc trẻ em làm ph-ơng tiện kiếm sống và lấy kết quả của việc buôn bán trẻ em là nguồn sống chính. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết thuộc đặc điểm cá nhân ng-ời phạm tội, có thể có ở ng-ời phạm tội này mà không có ở ng-ời phạm tội khác. Trong vụ án có đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức, có thể chỉ có một hoặc một số ng-ời thuộc tr-ờng hợp có tính chất chuyên nghiệp chứ không phải tất cả những ng-ời đồng phạm đều phải chịu chung tình tiết có tính chất chuyên nghiệp với ng-ời phạm tội có tình tiết này.

2.2.2. Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch- ơng XIV- "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự

Các tội xâm phạm sở hữu quy định tại Ch- ơng XIV Bộ luật hình sự năm 1999 là các tội đ-ợc sáp nhập từ các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa quy định tại Ch- ơng IV và các tội xâm phạm sở hữu của công dân quy định tại Ch- ơng VI Bộ luật hình sự năm 1985 do yêu cầu của tình hình phát triển kinh tế xã hội. Việc sáp nhập này, thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà n-ớc ta về mặt pháp lý là không có sự phân biệt đối với các thành phần

kinh tế trong xã hội. Mặt khác, nó cũng đáp ứng đ-ợc yêu cầu đấu tranh phòng, chống những loại tội phạm này trong tình hình mới, khi đất n-ớc ta phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đa dạng hóa nhiều loại hình thức thức sở hữu.

Ch-ơng XIV Bộ luật hình sự năm 1999 quy định 13 tội xâm phạm sở hữu, gồm các các điều: 133- Tội c-óp tài sản, 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, 135- Tội c-ỡng đoạt tài sản, 136- Tội c-óp giạt tài sản, 137- Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, 138- Tội trộm cắp tài sản, 139- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 140- Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 141- Tội chiếm giữ trái phép tài sản, 142- Tội sử dụng trái phép tài sản, 143- Tội hủy hoại hoặc cố ý làm h- hỏng tài sản, 144- Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà n-ớc, 145- Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Trong Ch-ơng XIV, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ-ợc quy định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt trong 06/13 điều luật, chiếm 46,15% tổng số các điều luật trong Ch-ơng XIV, cụ thể là các điều: 133- Tội c-óp tài sản, 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, 135- Tội c-ỡng đoạt tài sản, 136- Tội c-óp giạt tài sản, 138- Tội trộm cắp tài sản, 139- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bộ luật hình sự năm 1985 ch-a coi tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng hoặc là tình tiết định khung hình phạt. Nh-ng do ảnh h-ởng tiêu cực của nền kinh tế thị tr-ờng, đã xuất hiện một số các đối t-ợng lấy việc phạm tội làm kế sinh nhai; qua thực tiễn xét xử, cũng thấy đã có một số bị cáo lấy việc phạm tội làm ph-ơng tiện kiếm sống, lấy tài sản do phạm tội mà có làm nguồn thu nhập chính của bản thân, nhất là đối với các loại tội về xâm phạm sở hữu nh- tội c-óp tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản..., và hành vi này cần phải trừng trị nghiêm khắc để phòng ngừa tội phạm, nên nhà làm luật đã bổ sung tình tiết này là tình tiết định khung tăng nặng của một số tội phạm nh- đã nêu ở trên.

Khi áp dụng tình tiết này, cần lưu ý rằng khái niệm "chuyên nghiệp" ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một người, vì không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó được lặp đi, lặp lại nhiều lần mà người phạm tội coi việc phạm tội đó là phương tiện kiếm sống. Ví dụ: Nguyễn Văn N là một kẻ sống lang thang không nghề nghiệp, thường hay tụ tập một số người cùng cảnh ngộ nhằm chuyên trộm, cướp để sinh sống. Tuy nhiên, không phải hành vi phạm tội nào cứ lặp đi, lặp lại nhiều lần đều coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, mà chỉ những hành vi mà người phạm tội coi đó là phương tiện kiếm sống, thì mới là có tính chất chuyên nghiệp. Ví dụ: Lê Văn H là sinh viên trường Đại học X, bị kỷ luật đuổi học. H đã rủ Trần Văn B dùng dao Thái Lan liên tiếp gây ra hai vụ cướp xe đạp trước cổng Công viên Thủ Lệ. Trong trường hợp này, hành vi của H và B chỉ bị coi là phạm tội nhiều lần chứ không phải là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Các tội danh có quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là:

Tội cướp tài sản quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự, có 4 khung hình phạt, khung hình phạt cơ bản (khoản 1) có mức phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, là tội rất nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 2 có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm, cũng là tội rất nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 3 có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm và khung hình phạt tại khoản 4 có mức phạt tù từ 18 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, đều là những tội đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là tình tiết định khung hình phạt tại điểm b khoản 2 Điều 133. Theo đó, chỉ coi là phạm tội cướp tài sản có tính chất chuyên nghiệp khi người phạm tội cố ý phạm tội cướp tài sản từ 05 lần trở lên và người phạm tội đều lấy các lần phạm tội cướp tài sản là phương tiện kiếm sống và lấy kết quả của các lần phạm tội là nguồn thu nhập chính.

Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự, có 4 khung hình phạt; trong đó, khung hình phạt cơ bản tại khoản 1 có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, là tội nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 2 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm, là tội phạm rất nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 3 có mức phạt tù từ 10 năm đến 18 năm và khung hình phạt tại khoản 4 có mức phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, tù chung thân, đều là tội đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 của điều luật này cũng tương tự như trong hợp đồng tài sản có tính chất chuyên nghiệp tại điểm b khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự, tức là người phạm tội đã cố ý phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản từ 05 lần trở lên và đều lấy việc bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là phương tiện kiếm sống của bản thân, lấy kết quả thực hiện tội phạm làm nguồn thu nhập chính. Thực tiễn xét xử cho thấy, việc bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản thường được thực hiện có tổ chức, nên không phải tất cả những người đồng phạm đó đều bị coi là có tính chất chuyên nghiệp, mà phải phụ thuộc vào nhân thân của từng người phạm tội.

Tội Cố ý chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự, có 4 khung hình phạt; trong đó, khung hình phạt cơ bản tại khoản 1 có mức phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, là tội nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 2 có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, là tội phạm rất nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 3 có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khung hình phạt tại khoản 4 có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, đều là tội đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 2 của điều luật này. Cũng giống như các tội danh trên, chỉ được coi là phạm tội cố ý chiếm đoạt tài sản có tính chất chuyên nghiệp khi người phạm tội đã cố ý phạm tội cố ý chiếm đoạt tài sản từ 05 lần trở lên, và đều lấy việc phạm tội là lẽ sống, là nguồn thu nhập chính của bản thân.

Tội cướp giật tài sản quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự, có 4 khung hình phạt; trong đó, khung hình phạt cơ bản tại khoản 1 có mức phạt tù

từ 01 năm đến 05 năm, là tội nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 2 có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, là tội phạm rất nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 3 có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khung hình phạt tại khoản 4 có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, đều là tội đặc biệt nghiêm trọng. Trong điều luật này, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 2. Thực tiễn xét xử cho thấy, những đối tượng phạm tội cướp giật tài sản có tính chất chuyên nghiệp thường là ở các thành phố lớn, trong độ tuổi rất trẻ, từ khoảng 17 đến 30 tuổi và đều là những đối tượng không có nghề nghiệp, lười lao động và dính vào các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, ma túy, mại dâm v.v... [33, tr. 4].

Tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự, có 4 khung hình phạt; trong đó, khung hình phạt cơ bản tại khoản 1 có mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, là tội ít nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 2 có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, là tội phạm nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 3 có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khung hình phạt tại khoản 4 có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, đều là tội đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 2 của điều luật này. Qua công tác tổng kết xét xử của Tòa án nhận thấy: đa phần các đối tượng phạm tội trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp đều trong độ tuổi rất trẻ, thường ở tại các địa bàn thành thị (thị trấn, thị xã, thành phố v.v...); các đối tượng này đa phần có tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh gia đình éo le, khó khăn hoặc bị bỏ rơi, không có sự quan tâm, giáo dục của gia đình.

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự, có 4 khung hình phạt; trong đó, khung hình phạt cơ bản tại khoản 1 có mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, là tội ít nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 2 có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, là tội phạm nghiêm trọng; khung hình phạt tại khoản 3 có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khung hình phạt tại khoản 4 có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung

thân, đều là tội đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định tại điểm b khoản 2 của điều luật này. Thực tiễn xét xử cho thấy, về nhân thân của các bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tính chất chuyên nghiệp, thì đa phần tr- ớc đó đều là các đối t- ợng có nhân thân tốt, khéo giao tiếp. Các đối t- ợng này th- ờng núp d- ưới vỏ bọc là những ng- ời thành đạt, doanh nhân giàu có, rất sẵn lòng hảo tâm, hay đi làm công tác từ thiện để đánh bóng hình ảnh và tên tuổi của mình, tạo niềm tin đối với ng- ời bị hại rồi lừa đảo chủ yếu thông qua các hình thức huy động vốn trả lãi cao, góp vốn đầu t- bất động sản, đầu t- chứng khoán, bán hàng đa cấp v.v...

Nh- vậy, có thể thấy, trong một số các tội xâm phạm chế độ sở hữu, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đều đ- ợc các nhà làm luật quy định là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 2 của điều luật. Ngoại trừ tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đ- ợc xác định là tội nghiêm trọng, thì 04 tội danh còn lại đều xác định tr- ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tội phạm rất nghiêm trọng. Điều đó, thể hiện chính sách hình sự của Nhà n- ớc ta là trừng trị rất nghiêm khắc đối với các đối t- ợng chuyên lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống của bản thân.

Mặc dù, Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung hình phạt của nhiều điều luật, nh- ng lại ch- a quy định thế nào là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, nên việc áp dụng tình tiết này đối với ng- ời phạm tội phải căn cứ vào h- ướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, theo đó chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay ch- a bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu ch- a hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ch- a đ- ợc xóa án tích;

b) Ng-ời phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính [42].

Ở đây có vấn đề cần làm rõ là, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã đ-ợc quy định là tình tiết định khung của từng tội danh, nên cần phải hiểu "tính chất chuyên nghiệp" là tính chất của riêng từng tội danh cụ thể đó. Điều này có nghĩa là, tình tiết định khung hình phạt "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" trong các tội là khác nhau, chứ không phải là chỉ tính chất của tội phạm nói chung.

Ví dụ: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong tội c-óp tài sản là tr-ờng hợp một ng-ời phạm tội từ 05 lần trở lên về tội c-óp tài sản và ng-ời này lấy tài sản chiếm đoạt đ-ợc từ những lần phạm tội c-óp tài sản làm nguồn sống chính, nó khác với tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong tội Trộm cắp tài sản.

Khi áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với ng-ời phạm tội, cần l-u ý, khi tình tiết này đã là yếu tố định khung hình phạt thì không đ-ợc coi là tình tiết tăng nặng nữa.

2.2.3. Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch-ơng XVI- "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" của Bộ luật hình sự

"Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà n-ớc, lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân qua việc vi phạm quy định của Nhà n-ớc trong quản lý kinh tế" [46, tr. 421]. Trong Ch-ơng XVI- Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Bộ luật hình sự năm 1999 gồm 29 điều luật, t-ơng ứng với 29 tội danh. Mặc dù, các tội danh khác nhau nh-ng đều chung một khách thể bảo vệ, đó là các quan hệ xã hội đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của nền kinh tế quốc dân- nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị tr-ờng có sự quản lý của Nhà n-ớc, theo định

h- ớng xã hội chủ nghĩa (Điều 15 Hiến pháp năm 1992). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 19-6-2009 đã bổ sung thêm 06 điều luật, nâng tổng số điều luật ở Ch- ơng này là 35 điều, quy định 35 tội danh.

Kế thừa các quy định của pháp luật hình sự tr- ớc đây, trong ch- ơng này tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp tiếp tục đ- ợc quy định là tình tiết tăng nặng định khung tại 05 điều luật, chiếm 14,28% tổng số điều luật trong ch- ơng, cụ thể là trong các Điều: 153- Tội buôn lậu; 155-Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm; 156-Tội sản xuất, buôn bán hàng giả; 157- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là l- ơng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; 164a- Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà n- ớc.

Đối với tội buôn lậu, tr- ớc đây đ- ợc quy định tại Điều 97 Ch- ơng I- Các tội xâm phạm an ninh quốc gia của Bộ luật hình sự năm 1985. Việc sắp xếp nh- vậy là không hợp lý, vì khách thể của tội buôn lậu là trật tự quản lý thị tr- ờng hàng hóa, một loại quan hệ quản lý kinh tế. Cho nên việc các nhà làm luật đã đ- a tội buôn lậu quy định tại Điều 153 về Ch- ơng XVI- Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Bộ luật hình sự năm 1999 là chính xác. Điều 153 có 4 khung hình phạt, khung cơ bản có mức hình phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, là tội ít nghiêm trọng; khung tăng nặng tại khoản 2 có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, là tội nghiêm trọng; khung tăng nặng tại khoản 3 có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, là tội rất nghiêm trọng và khoản 4 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội buôn lậu có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định tại điểm b khoản 2 điều luật là tr- ờng hợp ng- ời phạm tội cố ý phạm tội buôn lậu từ 05 lần trở lên và lấy việc buôn lậu là ph- ơng tiện kiếm sống, là nguồn sống chính. Thực tiễn cho thấy, các đối t- ợng buôn lậu đa số là ng- ời dân sống tại khu vực biên giới và chủ yếu buôn lậu từ n- ớc ngoài vào Việt Nam, ngày càng nhiều đối t- ợng coi việc buôn lậu là một nghề kiếm sống [35, tr. 4].

Đối với tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, tr- ớc đây Bộ luật hình sự năm 1985 chỉ quy định tội buôn bán hàng cấm. Tuy nhiên trong thực tiễn không chỉ có hành vi buôn bán hàng cấm mà còn có hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm. Do vậy, Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999 đã bổ sung thêm ba loại hành vi phạm tội mới là sản xuất, tàng trữ và vận chuyển hàng cấm thành tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm quy định tại Điều 155. Điều luật này có 3 khung hình phạt; khoản 1 có mức phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm, là tội phạm nghiêm trọng; khoản 2 có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm và khoản 3 có mức hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm, đều là tội rất nghiêm trọng. Tình tiết phạm tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định tại điểm b khoản của điều luật, là tội rất nghiêm trọng. Thực tiễn xét xử cho thấy, giữa các đối t- ợng phạm tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm có tính chất chuyên nghiệp th- ờng có sự cấu kết rất chặt chẽ với nhau; tuy nhiên, không vì thế mà xác định tất cả các đồng phạm trong cùng một vụ án đều phạm tội chuyên nghiệp, mà phải căn cứ vào nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh và ý thức của từng bị cáo đối với việc phạm tội.

Điều 156-Tội sản xuất, buôn bán hàng giả, gồm có 3 khung hình phạt; khoản 1 có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm, là tội nghiêm trọng; khoản 2 có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm và khoản 3 có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, đều là tội rất nghiêm trọng. Tại điểm b khoản 2 của điều luật này quy định về phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả có tính chất chuyên nghiệp, là tội phạm rất nghiêm trọng.

Điều 157- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là l- ợng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh. So với Điều 156 Bộ luật hình sự năm 1999, đối t- ợng của tội phạm này cũng là hàng giả, nh- ng hàng giả ở đây là l- ợng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh có thể gây nguy hiểm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của con ng- ời. Do vậy, hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là l- ợng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc

phòng bệnh nguy hiểm hơn hành vi sản xuất hàng giả thông thường (trong điều kiện các tình tiết khác tương đương). Vì thế, nhà làm luật đã tách hành vi này ra khỏi Điều 156 để quy định thành tội riêng tại Điều 157 với tương đồng lỗi xử lý nghiêm khắc hơn. Điều 157 có 4 khung hình phạt; khoản 1 có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, là tội nghiêm trọng; khoản 2 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm, là tội rất nghiêm trọng; khoản 3 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm và khoản 4 có mức hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, đều là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trong điều luật này, người nào phạm từ 05 lần trở lên về tội sản xuất, buôn bán hàng giả là tương đồng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; đồng thời lấy việc phạm tội này làm phương tiện kiếm sống và đều lấy các lần phạm tội là nguồn sống chính thì được xác định là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 2, là tội rất nghiêm trọng.

Đối với tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều 164a Bộ luật hình sự, có khách thể bảo vệ là trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính- kế toán. Đây là tội danh mới vừa được bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống loại tội phạm tài chính-kế toán trong tình hình hiện nay, khi mà các hành vi sản xuất, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách ngày càng có diễn biến nghiêm trọng, các đối tượng phạm tội tương đồng là người có trình độ cao về tài chính-kế toán với thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt. Trong điều luật quy định 2 khung hình phạt; khung hình phạt cơ bản (khoản 1) có mức phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, là tội ít nghiêm trọng; khung hình phạt tăng nặng (khoản 2) có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, là tội phạm nghiêm trọng. Trong điều luật này, người nào phạm tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước từ 05 lần trở lên và lấy việc phạm tội này là phương tiện kiếm sống, là nguồn thu nhập chính thì được xác định là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 của Điều luật, là tội nghiêm trọng.

2.2.4. Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Ch- ơng XVIII- "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự

Ch- ơng XVIII- Các tội phạm về ma túy của Bộ luật hình sự năm 1999, gồm 10 điều luật, từ Điều 192 đến Điều 201, ứng với 10 tội danh. So với Ch- ơng VIIA (phần các tội phạm) của Bộ luật hình sự năm 1985, thì Bộ luật hình sự năm 1999 quy định ít hơn 04 điều luật (Ch- ơng VIIA Bộ luật hình sự năm 1985 có 14 điều). Mặc dù có ít hơn 04 điều luật, nh- ng các hành vi phạm tội về ma túy vẫn bị xử lý không sót một hành vi nào. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm về ma túy cho thấy, việc coi ng- ời nghiện ma túy nh- bệnh nhân, nạn nhân là một quan điểm nhân đạo, từ đó có cách nhìn nhận, có biện pháp đối xử phù hợp hơn đối với ng- ời nghiện ma túy thay vì có thái độ không thiện cảm đối với họ, thậm chí là xử lý về hình sự. Nếu tiếp tục giữ quy định về tội sử dụng trái phép chất ma túy tại Điều 199 Bộ luật hình sự sẽ tạo cảm giác là một ng- ời nghiện ma túy bị đ- a vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc mà không cai đ- ợc thì bị coi là tội phạm. Mặt khác, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy vừa mới đ- ợc Quốc hội khóa XII kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 03-6-2008 đề cập đến một vấn đề hết sức cơ bản là việc coi ng- ời nghiện ma túy không chỉ là ng- ời vi phạm pháp luật mà còn là ng- ời bệnh, là nạn nhân của tệ nạn ma túy. Thêm vào đó, các quy định của các Công - ớc quốc tế về phòng, chống ma túy mà n- ớc ta là thành viên cũng không quy định bắt buộc các n- ớc thành viên phải hình sự hóa hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì các lý do trên, nên tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 19-6-2009 đã bãi bỏ Điều 199- Tội sử dụng trái phép chất ma túy. Nh- vậy, hiện tại Ch- ơng XVIII của Bộ luật hình sự năm 1999 có 09 điều luật, quy định về 09 tội danh.

Trong Ch- ơng này, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định là tình tiết định khung hình phạt duy nhất tại khoản 3 Điều 193- Tội sản xuất trái phép chất ma túy, với mức hình phạt từ m- ời lăm năm đến hai m- ời năm, là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Việc quy định tình tiết này

trong điều luật là để đáp ứng yêu cầu đấu tranh với các đối tượng chuyên lấy việc phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy như một nghề để kiếm sống.

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định tại Chương XVIII của Bộ luật hình sự, ngày 24-12-2007, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999. Theo đó, tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần II Thông tư hướng dẫn:

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 là trường hợp người phạm tội có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện hành vi sản xuất trái phép chất ma túy từ năm lần trở lên không phân biệt đã bị xét xử hay chưa bị xét xử, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích.

b) Người phạm tội lấy hành vi sản xuất trái phép chất ma túy làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy làm nguồn sống chính [1].

2.2.5. Các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Chương XIX- "Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng" của Bộ luật hình sự

Bộ luật hình sự năm 1985 quy định các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính cùng trong một Chương VIII- Phần các tội phạm như sau cấu tạo thành ba mục khác nhau: Mục A- Các tội xâm phạm an toàn công cộng; Mục B- Các tội xâm phạm trật tự công cộng; Mục C- Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định các tội xâm phạm an toàn công cộng và các tội xâm phạm trật tự công cộng cùng trong một chương, như sau không cấu thành các mục A, B, C như Bộ luật hình sự năm 1985, vì trên thực tế căn cứ vào từng dấu hiệu cụ thể của điều luật, có tội chỉ xâm phạm trật tự giao thông, có tội chỉ xâm phạm an

toàn công cộng, có tội chỉ xâm phạm trật tự công cộng, nh- ng có tội vừa xâm phạm an toàn công cộng, vừa xâm phạm trật tự công cộng nên việc tách bạch đâu là xâm phạm an toàn công cộng, đâu là xâm phạm trật tự công cộng là vấn đề không đơn giản. Chính vì vậy mà nhà làm luật quy định các tội xâm phạm an toàn công cộng và xâm phạm trật tự công cộng trong cùng một Ch- ơng XIX của Bộ luật hình sự là có cơ sở.

Ch- ơng XIX- Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng của Bộ luật hình sự, gồm 55 điều luật, từ Điều 202 đến Điều 256, ứng với 55 tội danh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 19-6-2009 đã bổ sung thêm 04 điều luật, với 04 tội danh mới, nâng tổng số điều luật tại Ch- ơng này lên 59 điều, với 59 tội danh.

Tại Ch- ơng này, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định là tình tiết định khung hình phạt tại 06 điều luật, chiếm 10% tổng số điều luật trong ch- ơng, cụ thể là các Điều: 226b- Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; 248- Tội đánh bạc; 249-Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; 250- Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do ng- ời khác phạm tội mà có; 251- Tội rửa tiền; 255- Tội môi giới mại dâm. Trong các điều luật, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đều đ- ợc quy định tại điểm b khoản 2 các điều luật, đ- ợc xác định là tội nghiêm trọng tại các Điều 226b, 248, 249 và 250; tội phạm rất nghiêm trọng tại các Điều 251 và 256 Bộ luật hình sự.

2.3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG TÌNH TIẾT PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN

2.3.1. Những v- ớng mắc, sai lầm trong việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử của Tòa án

Thực tiễn công tác xét xử các vụ án hình sự của Tòa án các cấp trong thời gian qua, kể từ khi Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006, h- ớng dẫn việc áp

dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, thì các Tòa án thường không gặp nhiều khó khăn, vì ông mắc khi áp dụng tình tiết này trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Tuy nhiên, vẫn có những Tòa án do có nhận thức pháp luật không đúng, đặc biệt là có sự nhầm lẫn, chưa phân biệt được đâu là tình tiết định khung hình phạt và đâu là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc không nắm vững nguyên tắc áp dụng pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự nên trong nhiều trường hợp đã không áp dụng, hoặc áp dụng không đúng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" đối với bị cáo, dẫn đến việc các Tòa án đã đánh giá không đúng các tình tiết của vụ án, xử phạt bị cáo không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Văn Thiết và các đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản" tại tỉnh Lâm Đồng

Nguyễn Văn Thiết là đối tượng có nhiều tiền án và không chịu làm ăn lương thiện. Trong khoảng thời gian từ tháng 4-2008 đến tháng 8-2008, Nguyễn Văn Thiết đã rủ rê, lôi kéo các đồng phạm khác thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 309.328.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào một ngày cuối tháng 4-2008, Nguyễn Văn Thiết rủ các bạn là Nguyễn Văn Hoàng, Vũ Văn Hợi và Đào Hải Giang đến nhà ông Nguyễn Hoài Linh, trú tại số 26 Lê Thị Pha, phường 1, thị xã Bảo Lộc lấy trộm 01 chiếc máy hàn và 01 cuộn dây điện trị giá 2.800.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ một ngày trong tháng 5-2008, Thiết rủ Hoàng, Hợi và Nguyễn Anh Sinh đi trên 03 xe mô tô đến nhà ông Vũ Văn Sơn, trú tại số 137 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, thị xã Bảo Lộc lấy trộm 26 cuộn sắt phi 6 trị giá 8.230.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 27-5-2008, Thiết cùng với Hợi, Giang, Sinh và Trần Quốc Tú đi trên 02 xe mô tô đến cửa hàng điện máy của

bà Nguyễn Ph- ơng Thủy ở số 504A ph- ờng 2, thị xã Bảo Lộc, dùng búa, xà beng và kìm cộng lực phá cửa vào lấy trộm 07 tivi Panasonic 29in, 13 đầu DVD Sony, 03 máy tính xách tay hiệu HP, 05 chiếc máy nghe nhạc Abot, 30 chiếc điện thoại di động Nokia 8250, 08 chiếc điện thoại Samsung D840, 04 chiếc điện thoại di động Nokia 6288 và 220 sạc pin điện thoại các loại với tổng trị giá tài sản là 168.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28-5-2008, Thiết rủ Bi (một đối t- ợng quen trong quán Internet) trèo vào nhà bà Lê Thị Thọ, trú tại số 359 bis Trần Phú, ph- ờng Lộc Sơn, thị xã Bảo Lộc; dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa, phá tủ, lấy 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 3 cây vàng và 28.500.000 đồng, tổng trị giá các tài sản trộm cắp đ- ợc là 94.500.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 15 giờ 00 phút một ngày đầu tháng 6-2008, Thiết rủ bạn là Đinh Quan Sơn vào nhà bà Nguyễn Thị Huyền Sâm, trú tại số 158 Hà Giang, ph- ờng Lộc Sơn, thị xã Bảo Lộc lấy trộm 01 bếp gas đôi hiệu Star, 01 bình gas loại 12 kg, 12 quần Jean nam hiệu 165, 17 quần Jean nữ hiệu MBA2086, 1 máy tính để bàn hiệu Samsung, tổng trị giá tài sản là 17.230.000 đồng.

Vụ thứ 6: Ngày 20-6-2008, Thiết rủ Nguyễn Anh Sự đi xe mô tô đến nhà ông Lê Văn Đức trú tại số 49 Nguyễn Công Trứ, ph- ờng 2, thị xã Bảo Lộc, dùng kìm cộng lực bẻ khóa vào lấy 01 tivi hiệu Sony 32 in, 01 dàn máy Karaoke California, 03 loa âm thanh, tổng tài sản trị giá 7.320.000 đồng.

Vụ thứ 7: Ngày 19-7-2008, Thiết rủ Hoàng và Nguyễn Văn Nam (là bạn của Hoàng) đi bộ đến Khách sạn Thắng Lợi, ph- ờng 2, thị xã Bảo Lộc, Thiết và Hoàng đứng canh giới để Vũ Tuấn Đức lên vào phòng 206 lấy trộm 01 máy ảnh kỹ thuật số Canon, 01 điện thoại Nokia N95 và 01 ví da trong đó có 4.248.000 đồng, tổng giá trị tiền và tài sản trộm cắp đ- ợc là 11.248.000 đồng.

Vụ thứ 8: Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 25-7-2008, Thiết rủ Sự, Nguyễn Văn Nam và Trần Quốc Tú đến cửa hàng bán đồ mỹ phẩm, thời trang của chị Huỳnh Thị Hồng Liên, trú tại 947 Trần Phú, ph- ờng Blao, thị xã Bảo

Lộc với ý định trộm cắp tài sản. Trong lúc Thiết và đồng bọn đang dùng kim cộng lực để phá khóa thì chị Liên và bạn là anh Vũ Tuấn Đức đi chơi về phát hiện nên hô hoán và cùng Tổ tuần tra khu phố truy đuổi, bắt đ- ợc Thiết và Tú.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2009/HSST ngày 28-4-2009, Tòa án nhân dân thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; các điểm g, i và n khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Thiết 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". (Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí đối với các bị cáo khác).

Tại Kháng nghị phúc thẩm số 62/QĐ-KSXX ngày 15-5-2009, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng áp dụng thêm điểm b (phạm tội có tính chất chuyên nghiệp) khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, đồng thời tăng hình phạt tù và áp dụng thêm hình phạt bổ sung là quản chế đối với Nguyễn Văn Thiết.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 87/2009/HSPT ngày 26-8-2009, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; áp dụng thêm Điều 38 Bộ luật hình sự, giữ nguyên mức phạt tù, đồng thời phạt bổ sung Nguyễn Văn Thiết 05 năm quản chế, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Nhận thấy, Nguyễn Văn Thiết là đối t- ợng có nhiều tiền án, không chịu làm ăn l- ợng thiện, trong khoảng thời gian từ tháng 4-2008 đến tháng 8-2008, đã thực hiện 07 vụ trộm cắp trên địa bàn thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 309.328.000 đồng. Theo h- ớng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì có cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tr- ờng hợp "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án Nguyễn Văn Thiết về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138

Bộ luật hình sự là có căn cứ, nh- ng lại không áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thiết vì cho rằng, tình tiết này đã đ- ợc quy định là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 2 Điều 138 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự thì không đ- ợc áp dụng là không đúng.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn Thiết bị kết án theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự, có khung hình tù từ 07 năm đến 15 năm. Bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, i và n khoản 1 Điều 48, trong khi chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên việc Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt) là quá nhẹ, không t- ơng xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và hậu quả của vụ án.

Về hình phạt bổ sung là quản chế, theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự và h- ớng dẫn tại mục 4 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04-8-2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "H- ớng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999", thì hình phạt quản chế chỉ có thể đ- ợc áp dụng trong tr- ờng hợp mà Điều 92 hoặc điều luật quy định về tội phạm và hình phạt của Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định hình phạt bổ sung là quản chế. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn Thiết bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 138 Bộ luật hình sự và tại điều luật này không quy định về hình phạt bổ sung là quản chế, nh- ng Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo 05 năm quản chế, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự.

Vì các lý do trên, tại Kháng nghị số 08/2010/HS-TK ngày 01-3-2010, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị bản án hình sự phúc thẩm số 87/2009/HSPT ngày 26-8-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và đề

ngợi Tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để xét xử lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 23/2010/HS-GĐT ngày 27-5-2010, Hội đồng giám đốc thẩm Tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận Kháng nghị nêu trên của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2.3.2. Thực tiễn áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" trong hoạt động xét xử các tội phạm buôn bán ng- ời của Tòa án

Theo Báo cáo tổng kết 05 thực hiện Ch- ơng trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em (Ch- ơng trình 130/CP) số 421/BCA-VPTT-130/CP ngày 09-10-2009 của Ban Chỉ đạo 130/CP, trong 05 năm (từ năm 2004 đến 2008) thực hiện Ch- ơng trình 130/CP, cả n- ớc xảy ra 1.586 vụ, với 2.888 đối t- ợng phạm tội, lừa bán 4.008 nạn nhân. So với 05 năm tr- ớc, tăng 1.090 vụ, với 2.117 đối t- ợng và 2.935 nạn nhân. Trong đó, trên 60% tổng số vụ mua bán sang Trung Quốc, 11% tổng số vụ mua bán sang Campuchia, số còn lại mua bán sang Lào, qua tuyến hàng không, tuyến biển và một số n- ớc khác. Địa ph- ơng xảy ra nhiều là: Hà Giang (134 vụ); Lào Cai (105 vụ); Lạng Sơn (95 vụ); Quảng Ninh (73 vụ); Hà Nội (66 vụ); Nghệ An (66 vụ); Lai Châu (56 vụ); Bắc Giang (44 vụ)...Mua bán phụ nữ: 1.218 vụ, 2310 đối t- ợng, 3.019 nạn nhân; mua bán trẻ em: 191 vụ, 268 đối t- ợng, 491 nạn nhân; mua bán cả phụ nữ và trẻ em: 177 vụ, 310 đối t- ợng, 498 nạn nhân.

Nhìn chung, tình hình hoạt động tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em diễn biến phức tạp, đa dạng, tính chất, quy mô và thủ đoạn hoạt động phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức chặt chẽ và xuyên quốc gia. Qua thống kê và nghiên cứu của Tòa án nhân dân tối cao và các ngành hữu quan cho thấy: về nhân thân các đối t- ợng phạm tội chủ yếu là bọn l- u manh, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, còn có một số các đối t- ợng là ng- ời Việt Nam ở n- ớc ngoài hoặc ng- ời n- ớc ngoài câu kết với ng- ời Việt Nam để phạm tội. Điều đặc biệt đáng l- u ý là, ngày càng xuất hiện

nhiều các đối tượng mua bán phụ nữ, mua bán trẻ em với tính chất là phạm tội, là nguồn kiếm sống. Cụ thể xem các số liệu dưới đây:

Bảng 2.1: Báo cáo thống kê tổng kết 12 năm của Tòa án nhân dân tối cao về tình hình xét xử sơ thẩm các vụ án buôn bán người có quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt

Năm	Số vụ	Tổng số các bị cáo	Nhân thân	
			Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	Tỷ lệ % so với tổng số bị cáo
1998	215	369	19	5,14
1999	191	336	27	8,03
2000	186	311	31	9,96
2001	103	170	28	16,47
2002	125	191	24	12,56
2003	83	142	32	22,53
2004	110	169	29	17,15
2005	100	185	21	11,35
2006	157	300	37	12,3
2007	184	347	26	7,49
2008	197	366	38	10,38
2009	205	440	49	11,13
31-6-2010	88	179	17	9,49
Tổng số	1.944	3.505	378	10,78

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Qua số liệu trên bảng thống kê trên thấy, tỷ lệ người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (không phân biệt là tình tiết tăng nặng hay định khung hình phạt) trong tổng số các bị cáo là tương đối cao và có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Điều này phản ánh, hiện nay trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta, tình hình tội phạm có tính chất chuyên nghiệp trong các loại tội phạm buôn bán người có diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải có những chính sách, biện pháp phù hợp để đấu tranh, xử lý, tiến tới đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội.

Tiến hành xem xét thực tiễn công tác xét xử các vụ án buôn bán ng- ời của các Tòa án nhận thấy, đa số các Tòa án đều không gặp khó khăn khi xác định tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, các Tòa án lại th- ờng gặp khó khăn, v- ớng mắc hoặc nhầm lẫn khi xác định, áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đặc biệt là tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo. Mặc dù đã có h- ớng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nh- ng vẫn có nhiều Tòa án nhầm lẫn giữa "*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*" với "*phạm tội nhiều lần*"; hoặc nhầm lẫn giữa việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung trong từng điều luật với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Trong hoạt động xét xử, một trong những yêu cầu đặc biệt quan trọng là phải xét xử đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật. Thực tế cho thấy, mặc dù việc xét xử đã đúng ng- ời, đúng tội, nh- ng do áp dụng sai điều khoản của Bộ luật hình sự, dẫn tới hình phạt đã tuyên đối với bị cáo không t- ơng xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Ví dụ: Vụ án Dân Thị Thanh và các đồng phạm phạm tội mua bán trẻ em tại tỉnh Thái Nguyên

Dân Thị Thanh và Đào Ngọc Nết chung sống với nhau nh- vợ chồng tại nhà số 39 tổ 8, ph- ờng Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Cả hai đều là những đối t- ợng không có nghề nghiệp, l- ời lao động. Vào đầu năm 2007, Nết bàn với Thanh đi tìm các phụ nữ nhẹ dạ và các cháu bé để bán sang Trung Quốc làm gái mại dâm hoặc bán cho những cặp vợ chồng hiếm muộn làm con nuôi. Trong khoảng từ tháng 3-2007 đến tháng 11-2008, Nết đã 07 lần dụ dỗ và lừa bán đ- ợc 07 cháu bé từ 02 đến 12 tuổi; trong đó, Dân Thị Thanh tham gia cùng với Nết 03 vụ, lừa đ- ợc 03 nạn nhân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 124/2009/HSST ngày 07-6-2009, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng điểm d (mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt nhiều trẻ em) khoản 2 Điều 120; điểm b (phạm tội có tính chất chuyên nghiệp) khoản 1 Điều 48; các điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47

Bộ luật hình sự; xử phạt Dân Thị Thanh 03 năm tù, Đào Ngọc Nét 04 năm tù, đều về tội "Mua bán trẻ em".

Nhận thấy, trong vụ án này, Đào Ngọc Nét đã 07 lần thực hiện phạm tội, lừa bán đ-ợc 07 cháu bé. Theo h-ớng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì có cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Đào Ngọc Nét thuộc tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không đúng và không áp dụng thêm điểm b khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nét là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với bị cáo Dân Thị Thanh, Thanh chỉ tham gia cùng với Nét 03 vụ, lừa đ-ợc 03 nạn nhân nên hành vi của Thanh không thuộc tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không đúng. Bị cáo phạm tội thuộc tr-ờng hợp mua bán nhiều trẻ em quy định tại điểm d khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, cả hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g (phạm tội nhiều lần) khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Từ những sai lầm, thiếu sót trên dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo quá nhẹ, ch- a t- ơng xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả của vụ án.

2.3.3. Thực tiễn áp dụng "tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" trong hoạt động xét xử các tội xâm phạm sở hữu của Tòa án

Trong những năm qua, do ảnh h-ởng tiêu cực của nền kinh tế thị tr-ờng, tốc độ phát triển kinh tế nhanh, nh- ng không bền vững, các thiết chế xã hội không theo kịp sự phát triển của kinh tế; công tác phòng ngừa và đấu tranh tội phạm ở một số nơi, cơ quan, tổ chức không đ-ợc chú trọng và quan tâm đúng mức khiến tình hình tội phạm ngày càng gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt là các loại tội phạm xâm phạm sở hữu. Theo Báo cáo

tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao, trong năm 2006, toàn ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 5.508 vụ án xâm phạm sở hữu, với 9.046 bị cáo, chiếm 19,34% tổng số vụ án hình sự và 14,21% trong tổng số các bị cáo; số lượng các vụ án thuộc các điều 133, 134, 135, 136, 138 và 139 là 5021 vụ, với 8.330 bị cáo, trong đó, số bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là 1.878 bị cáo, chiếm 22,54% tổng số bị cáo của 06 tội trên. Năm 2007, toàn ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 23.327 vụ án xâm phạm sở hữu, với 38.001 bị cáo; số lượng các vụ án thuộc các điều 133, 134, 135, 136, 138 và 139 là 20.986 vụ, với 34.514 bị cáo, trong đó, số bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là 3.690 bị cáo, chiếm 10,69% tổng số bị cáo của 06 tội trên. Cũng theo Báo cáo trên, năm 2008, toàn ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 55841 vụ, với 89839 bị cáo. Riêng về các tội xâm phạm chế độ sở hữu, ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 15.800 vụ, với 26.246 bị cáo, chiếm 28,29% tổng số vụ án hình sự và 29,21%; trong đó, số lượng các vụ án thuộc các điều 133, 134, 135, 136, 138 và 139 là 14.426 vụ, với 24.196 bị cáo, trong đó, số bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là 1.509 bị cáo, chiếm 6,23% tổng số bị cáo của 06 tội trên.

Thực tiễn xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu có quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, như sau:

Bảng 2.2: Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu năm 2008

TT	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ% so với tổng số các bị cáo
1	Điều 133- Tội cướp tài sản	1227	3024	138	4,56
2	Điều 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	5	7	1	14,28
3	Điều 135- Tội cướp đoạt tài sản	300	533	28	5,25
4	Điều 136- Tội cướp giật tài sản	1.595	2.757	197	7,14
5	Điều 138- Trộm cắp tài sản	10.257	16.422	1080	6,57
6	Điều 139-Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	1.042	1.453	65	4,47
Tổng số		1.4426	2.4196	1.509	6,23

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Bảng 2.3: Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu năm 2009

TT	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ% so với tổng số các bị cáo
1	Điều 133- Tội c- ớp tài sản	1360	3207	514	16,02
2	Điều 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	6	8	0	0
3	Điều 135- Tội c- ớng đoạt tài sản	628	773	63	8,15
4	Điều 136- Tội c- ớp giạt tài sản	19.300	29.180	1.720	58,94
5	Điều 138- Trộm cắp tài sản	3.497	5.319	913	17,16
6	Điều 139-Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	2.304	2.948	100	3,39
Tổng số		27.095	41.453	3.310	7,984

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Bảng 2.4: Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu năm 2010

TT	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ% so với tổng số các bị cáo
1	Điều 133- Tội c- ớp tài sản	3030	5893	1003	8,2
2	Điều 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	9	12	2	16,7
3	Điều 135- Tội c- ớng đoạt tài sản	799	1.286	125	11,54
4	Điều 136- Tội c- ớp giạt tài sản	4.154	6.930	529	7,63
5	Điều 138- Trộm cắp tài sản	26.274	30.039	3.096	10,30
6	Điều 139-Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	2.314	2.970	830	27,94
Tổng số		36.580	47.130	5.585	11,85

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Qua sát thực tiễn công tác xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm phạm sở hữu của Tòa án nhân dân các cấp, nhận thấy: đa số các Tòa án đều không mắc sai lầm trong việc xác định tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên khi xác định, đánh giá các tình tiết cụ thể và áp dụng các điều khoản của Bộ luật hình sự để giải quyết vụ án, các Tòa án lại gặp nhiều khó khăn, v- ớng mắc trong việc xác

định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết định khung hình phạt; trong đó, các Tòa án cũng hay gặp v- óng mắc, nhầm lẫn trong việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với tình tiết phạm tội nhiều lần. Xin minh họa bằng ví dụ: vụ án Trần Song Nguyên và các đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản" tại tỉnh Gia Lai.

Trong thời gian từ tháng 02-2006 đến ngày 06-5-2006, Trần Song Nguyên và em ruột là Trần Nguyên Song cùng các đồng phạm khác đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Trong đó, Trần Song Nguyên trực tiếp tham gia 06 vụ trộm cắp, cụ thể nh- sau:

Vụ thứ nhất: Vào một ngày trong tháng 02-2006, Trần Song Nguyên và Trần Nguyên Song vào nhà anh Đinh Tài ở làng Đăk Chơ Câu, xã Krong, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai lấy trộm đ- ợc 300.000 đồng và một khẩu súng hơi có trị giá là 300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 08-3-2006, Trần Song Nguyên và Trần Nguyên Song đến huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng để trộm cắp. Trong khi Nguyên và Song đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà anh Ngô Hồng Ph- ong ở khu phố 6, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thì bị quần chúng nhân dân phát hiện. Trần Song Nguyên bỏ chạy thoát còn Trần Nguyên Song bị Công an thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng bắt giữ.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 06-4-2006, Trần Song Nguyên và Nguyễn Mạnh Giang vào nhà anh Trần Văn Đại ở thôn 2, xã Đăk Pơ, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai lấy trộm đ- ợc 01 xe mô tô biển kiểm soát 81F8-0095, có giá trị là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ t- : Khoảng 14 giờ ngày 30-4-2006, Trần Song Nguyên và Phạm Đăng Ninh vào nhà anh Chu Đỗ Quả ở tổ 5, xã Đăk HLơ, huyện KBang, tỉnh Gia Lai bắt trộm đ- ợc 02 con chó và lấy đ- ợc 01 đầu đĩa hiệu SHCD-6188, 01 âm ly KALITECH; tổng giá trị tài sản mà Nguyên và Ninh trộm cắp đ- ợc là 1.390.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 22 giờ ngày 03-5-2006, Trần Song Nguyên đứng cạnh giới để Trần Nguyên Song vào nhà anh Phạm Văn Sang ở tổ 2, thị trấn KBang, tỉnh Gia Lai lấy trộm đ-ợc 01 xe mô tô biển kiểm soát 81 H9-6090. Sau đó, Nguyên và Song còn tiếp tục vào nhà anh Đinh Trần Cần ở làng MôHven, xã Kon Long Khơn, huyện KBang, tỉnh Gia Lai lấy trộm đ-ợc 01 xe mô tô biển kiểm soát 81H6-2083; tổng giá trị 02 xe mô tô do Nguyên và Song trộm cắp đ-ợc là 11.900.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 03 giờ ngày 06-5-2006, Trần Song Nguyên và Trần Nguyên Song vào nhà anh Nguyễn Duy Bình ở tổ 5, ph-ờng An Phú, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai lấy trộm đ-ợc 01 điện thoại di động Motorola -V3 và 01 xe máy biển kiểm soát 81H9-5660, trị giá 15.350.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 06-5-2006, Trần Song Nguyên và Trần Nguyên Song còn có hành vi mua của Phạm Đăng Ninh và Lê Văn C-ờm 01 xe mô tô biển kiểm soát 81H6-1537 với giá 1.000.000 đồng mặc dù biết rõ chiếc xe này là do Ninh và C-ờm trộm cắp đ-ợc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 106/2007/HSST ngày 23-7-2007, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Song Nguyên 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", 01 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do ng-ời khác phạm tội mà có"; tổng hợp hình phạt, buộc Trần Song Nguyên phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm 06 tháng tù.

Ngày 27-7-2007, Trần Song Nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28-9-2007, Trần Song Nguyên xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 800/2007/HSPT ngày 28-9-2007, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng áp dụng khoản 2 Điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Trần Song Nguyên.

Nhận thấy, Trần Song Nguyên là người đã thành niên nhưng không có nghề nghiệp, không chịu làm ăn lương thiện, liên tiếp trong các năm 2005-2006 đã cấu kết cùng các phần tử xấu khác thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên nhiều địa bàn; lấy trộm cắp làm nguồn sống chính. Theo hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì có cơ sở để kết luận bị cáo "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Trần Song Nguyên theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật; đồng thời xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" là quá nhẹ, không tương xứng với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và hậu quả của vụ án. Trong vụ án này, tài sản mà Trần Song Nguyên chiếm đoạt trong từng lần trộm cắp đều có giá trị trên 500.000 đồng; do đó, bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Do có những sai lầm nêu trên, tại Kháng nghị số 14/2008/HS-TK ngày 26-9-2008, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 106/2007/HSST ngày 23-7-2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; đề nghị Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần tội danh, hình phạt, án phí hình sự sơ thẩm đối với Trần Song Nguyên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 23/2008/HS-GĐT ngày 24-10-2008, Hội đồng giám đốc thẩm Tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận Kháng nghị nêu trên của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Mặc dù, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết hướng dẫn việc xác định và áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là: cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách

nhiệm hình sự, nếu ch- a hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ch- a đ- ọc xóa án tích; ng- ời phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Tuy nhiên trong thực tiễn xét xử, việc chứng minh "bị cáo đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính" không phải lúc nào cũng dễ dàng và do đó, các Tòa án th- ờng có tâm lý bỏ lọt, còn hơn là xác định sai. Điều này dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng pháp luật, vừa không thể hiện đ- ọc chính sách nghiêm trị của Nhà n- ớc, vừa không có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Ví dụ: vụ án Trần Văn T phạm các tội "C- ớp tài sản" ở tỉnh Lạng Sơn

Trần Văn T, 28 tuổi, bị nghiện ma túy từ năm 16 tuổi, trú tại nhà số 46, ngách 23/4 ph- òng Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, làm nghề xe ôm chở khách bằng xe mô tô. Trong khoảng thời gian từ tháng 2-2007 đến tháng 6-2008, T đã 08 lần thực hiện hành vi c- ớp tài sản của các đôi trai gái khi các đôi này đến chơi tại khu vực Cầu Kiêu, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, với tổng trị giá tài sản là 32.560.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, T đều khai: số tiền T có đ- ọc từ các vụ c- ớp, T đều dùng vào việc chi tiêu cá nhân, chiêu đãi bạn bè và mua ma túy để sử dụng vì nếu không hút ma túy T không thể đi làm đ- ọc, hàng tháng T chở xe ôm đ- ọc khoảng 1.500.000 đồng, chỉ đủ tiền ăn, vì không có tiền mua ma túy nên mới phải phạm tội.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, đều cho rằng, mặc dù Trần Văn T đã 08 lần phạm tội c- ớp tài sản, nh- ng T không lấy việc c- ớp tài sản là ph- ơng tiện kiếm sống vì T đã có công việc lái xe ôm và đó mới là thu nhập chính của T. Mặt khác, T đã dùng số tiền kiếm đ- ọc từ việc phạm tội để mua ma túy- là hành vi trái pháp luật chứ không phải phục vụ cuộc sống, nên hành vi phạm tội của T chỉ thuộc tr- ờng hợp phạm tội nhiều lần và bị kết án theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Nhận xét: trong vụ án này, mặc dù tr- ớc, trong khi phạm tội, Trần Văn T đã có công việc và thu nhập từ việc lái xe ôm. Tuy nhiên, theo chính lời khai

của T thì số tiền T có đ-ợc từ các lần phạm tội c-ớp tài sản lớn hơn rất nhiều so với thu nhập từ việc lái xe ôm và mới là nguồn thu nhập chính để T sống. Mặc dù T đã sử dụng số tiền từ những lần phạm tội c-ớp tài sản này để mua ma túy- là hành vi trái pháp luật, nh-ng cũng là để phục vụ bản thân T vì chính T đã khai rằng, nếu không có ma túy để sử dụng, T sẽ không thể đi làm xe ôm. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Trần Văn T đã 08 lần phạm tội c-ớp tài sản và đều lấy các lần phạm tội là ph-ơng tiện sống, là nguồn sống chính. Vì vậy, hành vi phạm tội của T thuộc tr-ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần; do đó, phải kết án T về tội c-ớp tài sản theo điểm b khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

2.3.4. Thực tiễn áp dụng những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Tòa án

Trong những năm vừa qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị tr-ờng theo định h-ớng xã hội chủ nghĩa, tình hình kinh tế xã hội n-ớc ta đã có những b-ớc phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh những mặt tích cực, năng động do nền kinh tế thị tr-ờng mang lại, thì mặt trái của cơ chế thị tr-ờng cũng tác động đến đời sống xã hội, do đó tình hình vi phạm pháp luật cũng trở nên đa dạng và phức tạp hơn, đặc biệt là những tội phạm về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Theo báo cáo thống kê tổng kết 12 năm thực hiện Ch-ương trình phòng chống tội phạm của Tòa án nhân dân tối cao, thì từ năm 1998 đến năm 2010, toàn ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 607.684 vụ án hình sự, với tổng số 963.016 bị cáo (trong tổng số 705.080 vụ án hình sự và 1.152.019 bị cáo phải giải quyết, đạt tỷ lệ 91%); trong đó, đã xét xử sơ thẩm 10.351 vụ án kinh tế, với 19.918 bị cáo, chiếm 1,7% tổng số vụ án hình sự phải giải quyết, 2% tổng số bị cáo, đây là một tỷ lệ không nhỏ trong cơ cấu các loại vụ án hình sự đã xét xử; đặc biệt là số l-ợng các vụ án kinh tế và số l-ợng các bị cáo trong từng vụ án cụ thể lại có xu h-ớng tăng, năm sau nhiều hơn năm tr-ước; tình hình tội phạm kinh tế có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp ngày càng gia tăng, gây

ảnh hưởng xấu đến môi trường phát triển kinh tế của đất nước. Theo Báo cáo đánh giá đa ph-ong của Tổ chức phòng, chống rửa tiền khu vực Châu Á- Thái Bình D-ong (APG) đối với Việt Nam năm 2008, thì tình hình buôn lậu, buôn bán hàng cấm và sản xuất các loại hàng giả tại Việt Nam diễn biến rất phức tạp, Việt Nam là đích đến của nhiều hoạt động buôn lậu trong khu vực và trên thế giới, tiềm ẩn nguy cơ xấu đến nền kinh tế và sự mất an toàn đối với xã hội. Báo cáo trên cũng chỉ ra rằng, địa điểm phạm tội thường là các vùng biên giới (hình thành sản phẩm), các thành phố lớn (tiêu thụ sản phẩm) và có sự liên kết chặt chẽ thông qua các đối tượng vùng; các đối tượng phạm tội đã có sự cấu kết chặt chẽ, có sự phân công rành mạch, có quy trình phạm tội khép kín và tính chuyên nghiệp cao nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng, nguồn tiền chúng có được từ hoạt động phạm tội lại được chúng tiếp tục đầu tư- ng- ọc trở lại, sử dụng cho mục đích phạm tội để tạo ra nhiều tiền hơn, hoặc được đầu tư- thông qua các kênh hợp pháp như: nhà đất, chứng khoán, vàng bạc... để cuối cùng tạo ra nguồn tiền sạch.

Thực tiễn xét xử các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung hình phạt như sau:

Bảng 2.5: Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế năm 2008

TT	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ% so với tổng số các bị cáo
1	Điều 153- Tội buôn lậu	17	37	9	24,32
2	Điều 155-Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	118	184	12	6,52
3	Điều 156-Tội sản xuất, buôn bán hàng giả	6	9	1	11,11
4	Điều 157- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là hàng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh	22	34	6	17,6
Tổng số		163	264	28	10,60

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Bảng 2.6: Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế năm 2009

TT	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ% so với tổng số các bị cáo
1	Điều 153- Tội buôn lậu	49	102	15	14,70
2	Điều 155-Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	200	309	18	5,8
3	Điều 156-Tội sản xuất, buôn bán hàng giả	5	13	3	23,07
4	Điều 157- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là l- ơng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh	30	40	5	12,5
Tổng số		284	464	41	8,83

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Bảng 2.7: Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế năm 2010

TT	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ% so với tổng số các bị cáo
1	Điều 153- Tội buôn lậu	19	39	5	12,82
2	Điều 155-Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	187	230	12	5,21
3	Điều 156-Tội sản xuất, buôn bán hàng giả	15	39	11	28,20
4	Điều 157- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là l- ơng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh	16	35	10	28,57
Tổng số		237	343	38	11,07

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Qua đặc điểm nhân thân các bị cáo phạm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, nhận thấy: tỷ lệ các bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (không phân biệt đ- ợc áp dụng là tình tiết định khung hình phạt hay là tình tiết tăng nặng) khá cao, tập trung chủ yếu là ở các tội nh- buôn lậu, sản xuất buôn bán hàng giả là l- ơng thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.

Qua xem xét thực tiễn xét xử các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Tòa án các cấp, nhận thấy: các Tòa án đều không có nhiều sai sót trong việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các Tòa án lại gặp rất nhiều khó khăn khi xác định thế nào là "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" trong tr-ờng hợp, ng-ời phạm tội có nghề nghiệp, công việc ổn định và thu nhập đều đặn hàng tháng, thậm chí còn cao hơn nhiều lần so với mặt bằng chung trong khu vực nơi sinh sống. Nh- ng ng-ời phạm tội lại phạm tội rất nhiều lần, số tiền thu đ-ợc từ việc phạm tội đ-ợc ng-ời phạm tội nhập vào với thu nhập chính đáng từ công việc của họ và đ-ợc đầu t- ng- ợc trở lại hoạt động phạm tội để thu lợi nhiều hơn. Về vấn đề này, hiện nay có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, mặc dù bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nh- ng lại không lấy kết quả của những lần phạm tội đó làm nguồn sống chính vì bị cáo cũng có công việc và thu nhập chính đáng đủ để nuôi sống bản thân (tính theo mức bình quân của khu vực nơi bị cáo sinh sống); do đó, hành vi của bị cáo thuộc tr-ờng hợp phạm tội nhiều lần.

Quan điểm thứ hai thì cho rằng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, một cách có hệ thống, với thủ đoạn tinh vi. Mặc dù đã có công việc, thu nhập cao nh- ng bị cáo vẫn lấy việc phạm tội là lẽ sống của mình. Tiền có đ-ợc từ các lần phạm tội đã đ-ợc bị cáo nhập chung vào nguồn thu nhập chính đáng của mình và dùng số tiền này để đầu t- ng- ợc trở lại các hoạt động tội phạm hoặc kinh doanh hợp pháp, đây thực chất là hình thức che giấu nguồn tiền bất hợp pháp. Từ đó, có thể thấy, nghề nghiệp và thu nhập của bị cáo chỉ là để ngụy trang nhằm che giấu hoạt động phạm tội thực sự. Vì vậy, phải coi tr-ờng hợp này là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Chúng tôi đồng ý với quan điểm thứ hai, bởi lẽ, chúng ta không đ-ợc hiểu một cách máy móc rằng, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chỉ đ-ợc áp dụng đối với bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, mà phải hiểu rằng, ng-ời phạm tội lấy việc phạm tội làm nghề kiếm sống,

không phụ thuộc vào việc nguồn tiền phạm tội nhiều hơn hay ít hơn thu nhập chính đáng của họ, và đó phải là nguồn sống chính, là lẽ sống của ng- ời phạm tội. Giả sử, trong tr- ờng hợp nêu trên, nếu ng- ời đó không phạm tội thì với thu nhập chính đáng từ công việc, họ vẫn có thể sống đàng hoàng, nh- ng họ đã không cam chịu, không coi công việc đó là nguồn sống chính của mình mà phải phạm tội, lấy tài sản thu đ- ợc từ việc phạm tội để sinh sống nên phải coi đây là tr- ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

2.3.5. Thực tiễn áp dụng những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử các tội phạm về ma túy của Tòa án

Theo báo cáo của Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm Liên Hợp Quốc (UNODC), số ng- ời sử dụng ma túy trên thế giới hiện vẫn còn trên 200 triệu ng- ời; sản xuất ma túy bất hợp pháp, đặc biệt là thuốc phiện có chiều h- ớng tăng; xuất hiện nhiều tổ chức, đ- ồng dây buôn bán xuyên quốc gia, lục địa. Hoạt động buôn lậu ma túy mỗi năm đem lại khoản lợi nhuận khoảng 500 tỷ USD, chỉ đứng thứ 2 sau hoạt động buôn bán vũ khí.

Khu vực Đông Nam Á từ lâu đ- ợc biết đến với địa danh "tam giác vàng", một trong 3 trung tâm sản xuất ma túy bất hợp pháp lớn nhất thế giới, là nguồn cung cấp heroin lớn thứ hai thế giới và là trung tâm chính về sản xuất, buôn bán và sử dụng ATS, với xu h- ớng phát triển ngày càng phức tạp. Tội phạm ma túy ngày càng lợi dụng sự phát triển của ngành công nghiệp hóa chất để tiến hành các hoạt động sản xuất ma túy tổng hợp bất hợp pháp; sử dụng và buôn bán methamphetamine dạng tinh thể đang có xu h- ớng gia tăng mạnh. Bên cạnh các n- ớc đã phát hiện đ- ợc nhiều cơ sở sản xuất ma túy tổng hợp lớn nh- Myanmar, Malaysia, Indonesia, Philippin, tại Campuchia và Trung Quốc số cơ sở điều chế ma túy bất hợp pháp bị phát hiện tăng nhanh chóng trong những năm gần đây và áp sát biên giới Việt Nam.

Ở Việt Nam, tình hình hoạt động của bọn tội phạm ma túy diễn ra chủ yếu trên các tuyến biên giới Tây Bắc, Bắc miền Trung, biên giới phía Nam và

tiếp tục đi sâu vào nội địa; trên tuyến biển: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Thái Bình, Nghệ An... Đáng chú ý là l- ợng heroin vận chuyển trái phép vào Việt Nam năm 2009 tăng 27% so với cùng kỳ năm tr- ớc và l- ợng methamphetamine tăng lên 11 lần. Điểm mới trong vấn đề tội phạm ma túy ở Việt Nam trong năm qua là sự gia tăng hoạt động của các băng nhóm tội phạm ma túy quốc tế, đặc biệt là nhóm đối t- ợng gốc Phi. Đây là nhóm tội phạm ma túy với nhiều đối t- ợng xâm nhập bất hợp pháp núp d- ối các vỏ bọc khác nhau để lôi kéo các đối t- ợng, chủ yếu là phụ nữ Việt Nam và phụ nữ các n- ớc xung quanh thực hiện hành vi vận chuyển ma túy vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam đi n- ớc khác. Bên cạnh đó, ở trong n- ớc đã xuất hiện nhiều băng nhóm phạm tội ma túy một cách chuyên nghiệp, có tổ chức, chân rết tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả n- ớc; hoạt động của các đối t- ợng này th- ờng núp d- ối vỏ bọc là các công ty, các doanh nghiệp kinh doanh và có tính gắn bó bởi quan hệ tình cảm huyết thống.

Theo Báo cáo số 121/TA-TKTH ngày 15-9-2010 của Tòa án nhân dân tối cao, trong 12 năm từ năm 1998 đến ngày 31-6-2010, toàn ngành Tòa án đã xét xử 111.473 vụ án về ma túy với 148.119 bị cáo, các Tòa án đã tuyên phạt tử hình, chung thân 1.544 bị cáo, phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm 12.354 bị cáo, phạt tù từ trên 07 năm 72.775 bị cáo, còn lại là các hình phạt khác. Các Tòa án đã phối hợp tốt với các cơ quan tiến hành tố tụng để đ- a ra xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án lớn, trọng điểm nh- : Chu Văn Hiếu, Nguyễn Văn Tám ở Hà Nội, Hoàng Văn Thịnh, Nguyễn Đức L- ợng ở Hà Tĩnh,... Trong 12 năm qua, các Tòa án đã xét xử 152 ng- ời n- ớc ngoài phạm tội về ma túy, chủ yếu là ng- ời Lào, Trung Quốc, Đài Loan, Canada,... nh- vụ Chuôn Oi ở thành phố Hồ Chí Minh, Phong Xa Lỳ, Xay Nha Uông, Xiêng Mi ở Hà Tĩnh... các vụ án này số l- ợng ma túy vận chuyển, mua bán trái phép lên đến hàng trăm bánh heroin. Nhiều ng- ời trong số này là ng- ời Việt Nam mang quốc tịch n- ớc ngoài với danh nghĩa về thăm thân hoặc du lịch để mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy. Không chỉ có sự cấu kết chặt chẽ giữa những kẻ

phạm tội mà chúng còn móc ngoặc, câu kết với một số phần tử là cán bộ, công chức nhà nước, trong số này có một số nguyên là cán bộ Bộ đội biên phòng, giáo viên, bác sĩ, thậm chí có cả cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật như trong các vụ án Bùi Danh Ca, vụ án Vũ Xuân Trường, Lê Văn Luân ở Nghệ An, vụ án Chu Văn Hiếu ở Hà Nội.

Qua công tác xét xử của Tòa án cho thấy, mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã rất nỗ lực trong việc đấu tranh với các tội phạm về ma túy như trong những năm qua, các vụ án ma túy vẫn còn có chiều hướng gia tăng về số lượng và cả quy mô, tính chất. Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt và có yếu tố chuyên nghiệp cao. Các Tòa án có số lượng ma túy phải giải quyết chiếm tỷ lệ cao vẫn tập trung ở Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Quảng Ninh, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu...Chỉ tính riêng năm 2006, số lượng các vụ án về ma túy mà ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội phải giải quyết chiếm 32% trong tổng số các vụ án hình sự, ngành Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là 31%, ngành Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng là 38%, ngành Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu là 53%, ngành Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên là 55%...Một số Tòa án nhân dân cấp huyện của các tỉnh này có năm số lượng các vụ án về ma túy chiếm tới 75% đến 85% tổng số lượng các vụ án hình sự phải giải quyết. Các số liệu trên phản ánh tình hình công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm ma túy đã đạt được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, tình hình tội phạm về ma túy vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với trật tự, an toàn xã hội; các yếu tố như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp ngày càng chiếm tỷ lệ cao, năm sau cao hơn năm trước. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực nhiều hơn nữa của các cấp các ngành trong công tác phòng ngừa và chống tội phạm về ma túy. Trong đó, đặc biệt cần nhấn mạnh đến công tác phòng ngừa và chống tội phạm sản xuất trái phép chất ma túy có tính chất chuyên nghiệp, vì đây là khởi nguồn của các hành vi phạm tội về ma túy khác. Thực tiễn công tác xét xử về tội

phạm này trong thời gian qua trên phạm vi cả nước thấy rằng, tỷ lệ các đối tượng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp ngày càng nhiều, năm sau luôn cao hơn năm trước và có xu hướng phát triển, từ 0% năm 2006 đến 20% năm 2007 và lên đến 23,07% năm 2008. cụ thể xem bảng tổng kết dưới đây:

Bảng 2.8: Số liệu thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án sản xuất trái phép chất ma túy trên cả nước từ năm 2008 đến năm 2010

Năm	Tội danh	Vụ	Tổng số bị cáo	Phạm tội chuyên nghiệp	Tỷ lệ % so với tổng số bị cáo
2008	Điều 193- Tội sản xuất trái phép chất ma túy	11	13	3	23,07
2009	Điều 193- Tội sản xuất trái phép chất ma túy	13	20	0	0
2010	Điều 193- Tội sản xuất trái phép chất ma túy	19	29	4	13,79
Tổng số		43	62	7	21,21

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Trên thực trạng trên, cần thiết phải đặt ra câu hỏi, chúng ta đã đầu tư nhiều tiền của, công sức vào công tác phòng ngừa và chống tội phạm về ma túy như thế nào, hiệu quả của công tác này như thế nào? Vì vậy, trong thời gian tới, cần quán triệt để nâng cao nhận thức cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng; đồng thời cũng cần phải nghiên cứu đề ra đường lối, chính sách và phương pháp hợp lý để đẩy nhanh và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng ngừa và chống tội phạm về ma túy trong tình hình hiện nay.

2.3.6. Thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử các vụ án xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng của Tòa án

Theo Báo cáo của Bộ Công an tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình phối hợp liên ngành phòng, chống mại dâm theo Quyết định số 52/2006/QĐ-TTg

ngày 8-3-2006 của Thủ tướng Chính phủ, thì hiện nay cả nước có trên 73.000 cơ sở kinh doanh dịch vụ trong đó: 5.690 khách sạn, 9.490 nhà nghỉ, 34.258 nhà trọ, 799 nhà hàng, 48 vũ trường, 5.104 quán Karaoke, 3.049 quán cà phê giải khát, 805 cơ sở xông hơi, mát xa, 1.027 cơ sở hớt tóc máy lạnh, 6.971 cơ sở kinh doanh dịch vụ khác có nhân viên nữ phục vụ. Tổng số nhân viên phục vụ trong các cơ sở này là trên 47.000 người, trong đó có 2.234 cơ sở và trên 3.643 nữ nhân viên nghi hoạt động mại dâm; đã lập hồ sơ quản lý 805 đối tượng có biểu hiện chứa mại dâm, 598 đối tượng có biểu hiện môi giới mại dâm và 1.051 gái bán dâm chuyên nghiệp.

Theo Báo cáo số 121/TA-TKTH ngày 15-9-2010 của Tòa án nhân dân tối cao, trong 12 năm từ năm 1998 đến ngày 31-6-2010, toàn ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 11.077 vụ án mại dâm với 15.062 bị cáo. Trong đó, Tòa án nhân dân các cấp đã phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm 130 bị cáo, phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm 1.614 bị cáo, phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm 8.911 bị cáo, từ 3 năm trở xuống 2.339 bị cáo, còn lại là các hình phạt khác. Số bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm 4%, bị cáo phạm tội chuyên nghiệp chiếm 5,57%, bị cáo là dân tộc ít người chiếm 3,2%, số tội phạm nữ chiếm tỷ lệ khá cao (47%), đặc biệt là độ tuổi của các "má mì", "cò" ngày càng trẻ hóa, chủ yếu xuất thân từ nông thôn và hầu hết đã trải qua nghề gái bao nên có nhiều thủ đoạn để trốn tránh pháp luật.

Đối với các tội phạm cờ bạc, trong 12 năm qua, các Tòa án đã xét xử sơ thẩm 17.964 vụ án cờ bạc, với 63.223 bị cáo. Các đối tượng phạm tội cờ bạc xuất thân từ đủ mọi thành phần xã hội từ những người lang thang, không có nghề nghiệp đến những người có nghề nghiệp, vị trí xã hội. Về cơ cấu vùng miền, tội phạm cờ bạc có ở hầu hết khắp các vùng miền của đất nước từ trung du, đồng bằng đến vùng cao, miền núi, thậm chí cả ở vùng biên giới, hải đảo, nhàn tập trung chủ yếu là ở các tỉnh, thành phố lớn. Về cơ cấu độ tuổi, chủ yếu là độ tuổi lao động từ 20 tuổi đến 60 tuổi, đặc biệt các đối tượng phạm tội từ độ tuổi 20 đến 40 chiếm tỷ lệ 70%, đây là một điều đáng lo ngại. Về nhân

thân, đa số các đối tượng cờ bạc chuyên nghiệp đều có tiền án, tiền sự. Trên cả nước đã xuất hiện nhiều băng nhóm cờ bạc được tổ chức một cách chuyên nghiệp với thủ đoạn xảo quyệt, tinh vi, công nghệ khoa học kỹ thuật mà đặc biệt là viễn thông, thông tin liên lạc được ứng dụng triệt để trong các tội phạm cờ bạc, tình trạng đánh bạc bằng các hình thức: cá độ bóng đá, chơi lô, chơi đề ngày càng phổ biến. Trong 12 năm qua, toàn ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm 5.219 vụ án chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, với trên 9.636 bị cáo, các đối tượng phạm tội này chủ yếu là có tính chất chuyên nghiệp, chuyên sống bằng nghề tiêu thụ của gian. Về cơ cấu độ tuổi chủ yếu là trong tuổi lao động, tỷ lệ phụ nữ và nam giới phạm tội này là ngang nhau. Các đối tượng phạm tội chủ yếu ở các khu dân cư tập trung đông đúc, nơi có nhiều tệ nạn xã hội.

Việc xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự về các tội xâm phạm trật tự công cộng có quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt như sau:

Bảng 2.9: Số liệu xét xử sơ thẩm các vụ án đánh bạc từ năm 2008 đến năm 2010

Năm	Tội danh	Số vụ	bị cáo	Nhân thân bị cáo	
				Chuyên nghiệp	Tỷ lệ % so với tổng số các bị cáo
2008	Điều 248 - Tội đánh bạc	2135	8197	742	9,05
2009	Điều 248 - Tội đánh bạc	3027	10013	1112	11,10
2010	Điều 248 - Tội đánh bạc	5011	14178	2509	17,69
Tổng số		10173	32388	4363	13,47

Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.

Qua bảng số liệu trên, nhận thấy: Tỷ lệ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong tội đánh bạc chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các bị cáo phạm cùng một tội và có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Điều này cho thấy: hiện nay, dưới sự ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, một bộ phận người trong xã hội bị tha hóa, biến chất khiến tình hình vi phạm pháp luật và tội

phạm ngày càng gia tăng, cả về quy mô và tính chất. Đáng lo ngại là, hiện nay xu hướng coi việc phạm tội như là một nghề kiếm sống đang lan tràn, nhất là đối với các tội cờ bạc, mại dâm, thách thức dư luận xã hội và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Vì thế, trong việc phòng ngừa tội phạm nói chung và loại tội phạm này nói riêng phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, có biện pháp mang tính đấu tranh kịp thời, nhưng cũng phải có những biện pháp mang tính dài hơi. Ngoài ra, một điều quan trọng không kém là nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân, tăng cường giáo dục đạo đức, văn hóa lối sống, đặc biệt cho bộ phận thanh thiếu niên để tránh xa các tệ nạn của xã hội.

Thực tiễn công tác xét xử các vụ án này, về cơ bản Tòa án các cấp đều không có khó khăn, vướng mắc trong việc xác định tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi xác định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, các Tòa án lại gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Cụ thể: Nguyễn Văn A hiện đang làm Kế toán của Công ty xây dựng X. Quá trình điều tra có căn cứ xác định, A đã tham gia đánh bạc rất nhiều lần, mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc (trên 05 lần), số tiền có được do việc đánh bạc, bị cáo dùng chi tiêu cho bản thân và gia đình. A thừa nhận không thể bỏ được việc đánh bạc vì A thường kiếm được rất nhiều tiền từ việc đó. Trong trường hợp này, có ý kiến cho rằng, bị cáo chỉ phạm tội nhiều lần vì bị cáo có công việc và thu nhập. Ý kiến khác thì cho rằng, bị cáo đã nhiều lần đánh bạc, đã dùng số tiền do được bạc trang trải cho cuộc sống của bản thân và gia đình; đồng thời, chính bị cáo cũng tự khai nhận là không thể từ bỏ cờ bạc, do ham lợi. Do đó, phải kết án bị cáo A về tội đánh bạc có tính chất chuyên nghiệp vì bị cáo đã lấy việc đánh bạc làm lẽ sống, là phương tiện kiếm sống của mình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua phân tích thực trạng các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cho thấy: Phạm tội có tính chất chuyên

nghiệp đã được quy định trong Bộ luật hình sự là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc là tình tiết định khung hình phạt trong các điều luật về các tội phạm, nên nó có mối quan hệ chặt chẽ với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác và với các tội danh cụ thể trong Bộ luật hình sự. Do đó, có thể khẳng định rằng, khái niệm và các cơ sở pháp lý của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng xuất phát từ khái niệm và cơ sở của tội phạm. Cho nên, việc xác định và áp dụng đúng đắn tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thực tiễn sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

Mặc dù phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã được quy định một cách chính thức và cụ thể trong Bộ luật hình sự, nhưng đối với mỗi trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì việc hiểu rõ bản chất của nó để áp dụng trong thực tiễn còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng và chưa thống nhất. Vì thế, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng nhiều khi còn áp dụng chưa đúng với quy định của điều luật. Cho nên, trong thực tiễn xét xử cho thấy bên cạnh những quyết định áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có căn cứ và đúng pháp luật thì vẫn còn có một số trường hợp áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không có căn cứ và chưa đúng pháp luật, khiến việc xử lý tội phạm không nghiêm, qua đó gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm nói chung, tội phạm có tính chất chuyên nghiệp nói riêng. Tại chương 3 của luận văn tác giả sẽ đưa ra quan điểm và một số giải pháp cơ bản hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Chương 3

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH NÀY

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP

Trước yêu cầu cải cách để xây dựng nền pháp luật trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa,... thì một trong những biện pháp có ý nghĩa rất quan trọng là hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật hình sự nói riêng. Bởi lẽ, việc đổi mới pháp luật và hoàn thiện pháp luật hình sự hiện hành:

Chính là một trong nhiều yếu tố cơ bản mà nếu thiếu nó thì việc xây dựng Nhà nước pháp quyền không thể thành công, vì các quy định của pháp luật hình sự chính là những căn cứ pháp lý quan trọng nhất của Nhà nước pháp quyền để đấu tranh phòng chống tội phạm và xử lý nghiêm minh những người phạm tội, góp phần tăng cường pháp chế và củng cố trật tự pháp luật, đồng thời bảo vệ một cách hữu hiệu các quyền và tự do cơ bản của công dân, cũng như lợi ích của xã hội và của Nhà nước [4, tr. 70].

Do đó, việc hoàn thiện các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng không nằm ngoài mục đích hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam nói chung, thể hiện trên các phương diện sau:

*** Về phương diện thực tiễn**

Thứ nhất, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự vẫn còn có một số trường hợp áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không đúng pháp luật dẫn đến việc xử lý tội phạm hoặc không

ng nghiêm minh hoặc trừng trị quá nghiêm khắc, không t- ơng xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện. Có ng- ời rõ ràng là thực hiện hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, nh- ng lại không bị áp dụng tình tiết tăng nặng hoặc tình tiết định khung hình phạt do nhận thức pháp luật không đúng hoặc nhầm lẫn giữa tr- ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với phạm tội nhiều lần,...

Thứ hai, trong công tác xét xử có Tòa án đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo trong cả tr- ờng hợp đã áp dụng tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt hoặc có những tr- ờng hợp, bị cáo không lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, là nguồn thu nhập chính nh- ng Tòa án vẫn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo với lý do là số tiền thu đ- ợc từ các lần phạm tội lớn hơn thu nhập hợp pháp của bị cáo.

**** Về ph- ơng diện lập pháp***

Việc hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhằm sửa đổi, bổ sung những quy định mới cho phù hợp với thực tiễn, dễ hiểu, dễ vận dụng, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. D- ưới góc độ này, hàng loạt vấn đề đặt ra nh- :

Thứ nhất, trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành ch- a đ- a ra định nghĩa pháp lý của khái niệm "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" nên dẫn đến trong nhiều tr- ờng hợp, việc xác định tình tiết này giữa các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu thống nhất đã gây khó khăn trong công tác điều tra, truy tố và xét xử ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Thứ hai, trong một số tội danh, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp ch- a đ- ợc quy định là tình tiết định tăng nặng định khung hình phạt mà lẽ ra phải quy định nên dẫn tới việc xét xử hình thức phạm tội này ch- a nghiêm minh, không đề cao đ- ợc tác dụng giáo dục, phòng ngừa tội phạm. Có nhiều tr- ờng hợp, trong một điều luật, phạm tội nhiều lần đ- ợc quy định là tình tiết tăng nặng

định khung hình phạt, nh- ng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì lại không đ- ọc quy định nên đã tạo ra sự bất hợp lý và không công bằng ở chỗ, ng- ời có hành vi nguy hiểm hơn lại không bị xét xử ở khung hình phạt cao hơn.

Thứ ba, trong xu thế quốc tế hóa, hội nhập và phát triển cũng đòi hỏi pháp luật hình sự của n- ớc ta nói chung, các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nói riêng cũng cần phù hợp với luật pháp quốc tế và có sự tham khảo, chọn lọc các quy định của pháp luật hình sự các n- ớc, trong đó có những quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, để xây dựng Bộ luật hình sự hoàn thiện góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, phù hợp với tình hình và điều kiện của Việt Nam, nh- ng cũng phù hợp với chuẩn mực, thông lệ chung của quốc tế.

**** Về ph- ơng diện lý luận***

Hoàn thiện các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa về mặt lý luận, cụ thể nh- sau:

Thứ nhất, nó góp phần giúp cho cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành pháp luật hình sự có nhận thức đúng đắn và thống nhất về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, về các căn cứ, điều kiện áp dụng chúng để phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Thứ hai, nó còn giúp cho những ng- ời có thẩm quyền trong các cơ quan tiến hành tố tụng (nh- : Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán...) nhận thức đầy đủ, đúng đắn và chính xác để từ đó ra các quyết định áp dụng hay không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với ng- ời phạm tội có căn cứ và đúng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, qua đó bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp không chỉ của công dân, mà còn cả của bị can, bị cáo.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp d- ới góc độ lý luận sẽ góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận luật

hình sự Việt Nam, cũng nh- là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích bổ sung vào khoa học luật hình sự n- ớc ta về vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

3.2. HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP

Nh- đã phân tích ở trên, nhu cầu hoàn thiện và đổi mới pháp luật hình sự nói chung, các quy định về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nói riêng mang tính khách quan, cấp thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự hiện hành kết hợp với thực tiễn áp dụng những quy định này, chúng tôi xin đ- a ra một số khuyến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nh- sau:

Thứ nhất, Bộ luật hình sự năm 1999, đã quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 48 và là tình tiết định khung tại nhiều điều luật trong Phần các tội phạm. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1999 ch- a có quy định khái niệm pháp lý về thế nào là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên dẫn đến sự không thống nhất trong nhận thức và áp dụng tình tiết này giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có Nghị quyết h- ớng dẫn về việc áp dụng tình tiết này trong hoạt động xét xử của Tòa án, tuy nhiên ch- a có h- ớng dẫn trong tr- ờng hợp có ng- ời nhiều lần phạm các tội khác nhau và ng- ời này lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, lấy kết quả các lần phạm tội làm nguồn thu nhập chính thì có thuộc tr- ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hay không ? Theo chúng tôi, việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cần phân biệt:

Nếu áp dụng là tình tiết định khung của từng tội danh thì theo h- ớng dẫn hiện hành của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nếu áp dụng là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 thì chỉ cần chứng minh bị cáo phạm tội từ 05 lần trở lên (không phân biệt là

tội gì, phạm một tội hay các tội khác nhau) và bị cáo lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, là nguồn thu nhập chính.

Thứ hai, thực tiễn xét xử cho thấy, các đối t- ơ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp th- ờng bị áp dụng hình phạt là phạt tiền và quản chế (nếu nh- điều luật về tội phạm bị kết án có quy định) nhằm t- ớc đi của ng- ời bị kết án một khoản tiền và buộc họ phải c- trú, làm ăn, sinh sống tại một địa ph- ơng nhất định d- ới sự kiểm tra, giám sát của chính quyền và nhân dân địa ph- ơng, để họ không còn cơ hội tiếp diễn lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống. Tuy nhiên, tại Điều 30- Phạt tiền và Điều 38- Quản chế thì ch- a quy định việc áp dụng hình phạt này đối với ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên dẫn việc hiểu và áp dụng hình phạt này trên thực tế đối với ng- ời có hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thiếu thống nhất.

Thứ ba, trong cấu thành tội phạm tăng nặng tại một số điều luật (nh- : Điều 137- Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Điều 140- Tội lạm dụng nhiệm chiếm đoạt tài sản; Điều 154- Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; Điều 158- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi; Điều 162- Tội lừa dối khách hàng; Điều 164- Tội làm tem giả, vé giả, tội buôn bán tem giả, vé giả; Điều 170a- Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; Điều 194- Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy; Điều 195- Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; Điều 196- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các ph- ơng tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy) ch- a hợp lý nh- : hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không đ- ợc quy định là tình tiết định khung hình phạt, trong khi có nhiều tình tiết khác có tính nguy hiểm ít hơn (ví dụ: phạm tội nhiều lần) thì lại bị quy định là tình tiết định khung nên đã dẫn đến việc xử lý tội phạm không công bằng, ch- a thể hiện đ- ợc tính trừng trị nghiêm minh loại tội phạm này để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

D- ới góc độ nhận thức-khoa học, chúng tôi xin đ- a ra mô hình lý luận của các quy phạm về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nh- sau:

Thứ nhất, cần bổ sung trong Ch- ơng I Điều khoản cơ bản của Bộ luật hình sự năm 1999 một điều luật với tên gọi là "Một số khái niệm" để quy định về một số khái niệm cần có cách hiểu thống nhất trong Bộ luật hình sự, trong đó bao gồm quy định khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và các nguyên tắc áp dụng tình tiết này với ý nghĩa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và những tr- ờng hợp áp dụng với ý nghĩa là tình tiết định khung hình phạt trong một tội danh cụ thể.

Thứ hai, cần bổ sung đối t- ợng ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vào khoản 2 Điều 30- Phạt tiền và đoạn 2 Điều 38- Quản chế của Bộ luật hình sự để tạo sự thống nhất về mặt pháp luật trong việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với những ng- ời này nhằm không cho họ có điều kiện tiếp tục lấy việc phạm tội là ph- ơng tiện kiếm sống, đồng thời cũng là thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc nghiêm trị và giáo dục ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp của Đảng và Nhà n- ớc ta.

Thứ ba, cần bổ sung tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung trong một số tội phạm nh- đã phân tích ở trên nhằm tăng khả năng trừng trị hành vi phạm tội có tính chất nguy hiểm này, đồng thời cũng đảm bảo nguyên tắc nghiêm trị và tính công bằng trong xử lý tội phạm, đảm bảo yêu cầu phòng, chống loại tội phạm này trong tình hình mới.

3.3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH PHÒNG NGỪA VÀ CHỐNG CÁC LOẠI TỘI PHẠM CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP CỦA CÁC CƠ QUAN TỰ PHÁP

3.3.1. Đối với cơ quan Công an

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm thì cơ quan Công an là cơ quan có vai trò hết sức quan trọng. Công an vừa là cơ quan quản lý ng- ời

phạm tội, ng-ời đang cải tạo và là cơ quan trực tiếp đấu tranh để đ- a ng-ời phạm tội ra truy tố tr-ớc Tòa án và phải chịu hình phạt của Nhà n-ớc.

Trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm có tính chất chuyên nghiệp nói riêng thì công tác quản lý hành chính có vai trò hết sức quan trọng. Công tác này bao gồm các biện pháp nh- quản lý nhà n-ớc về trật tự xã hội của ngành Công an đ-ợc Nhà n-ớc giao nh- đăng ký quản lý hộ khẩu, quản lý kinh doanh loại hình nhạy cảm, quản lý vũ khí, chất nổ, quản lý trật tự an toàn giao thông trên cơ sở chế độ, thể lệ, quy tắc đã ban hành. Đây là biện pháp nghiệp vụ công khai của ngành Công an có tác dụng to lớn về phòng ngừa tội phạm đặc biệt là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp bởi loại tội phạm này hoạt động hết sức sảo quyệt, chuyên nghiệp do ng-ời phạm tội lấy việc phạm tội làm nguồn sống của mình. Việc sử dụng các biện pháp quản lý, giáo dục đối t-ợng, đề phòng tái phạm, thu thập tài liệu chứng cứ để phục vụ yêu cầu điều tra khám phá các vụ án hoặc lập hồ sơ những đối t-ợng cần đ- a đi giáo dục tập trung theo quy định của pháp luật sẽ góp phần phát hiện các đối t-ợng phạm tội chuyên nghiệp. Để khắc phục những hạn chế thiếu sót còn tồn tại trong công tác của lực l-ợng cảnh sát quản lý hành chính nhất là cảnh sát khu vực ở địa bàn ph-õng, đồng thời phát huy hết tác dụng của biện pháp hành chính để phòng ngừa tội phạm, lực l-ợng Công an về quản lý hành chính cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, làm tốt công tác quản lý nhân khẩu theo h-ớng đi sâu nắm vững từng hộ, từng ng-ời để nắm chắc tình hình hoạt động của các loại đối t-ợng và địa bàn trọng điểm. Quán triệt đúng quan điểm của Bộ Công an về công tác đăng ký quản lý hộ khẩu phải đảm bảo đúng quy định của Nhà n-ớc, nh-ng phải th-ờng xuyên đổi mới để phù hợp với tình hình đặc điểm của sự phát triển kinh tế - xã hội, có biện pháp thích hợp để kiểm soát tình trạng c- trú trái phép, thực hiện đúng ph-õng châm "ở đâu có con ng-ời c- trú, ở đó phải tiến hành quản lý chặt chẽ".

Hai là, lãnh đạo Công an địa phương cần tăng cường chỉ đạo công tác quản lý hộ khẩu, nhân khẩu để nắm vững tình hình an ninh trật tự ở địa bàn dân cư thuộc phạm vi phụ trách, nhất là tình hình vi phạm pháp luật, tình hình tội phạm, phát hiện đối tượng truy nã, đối tượng từ nơi khác đến hoạt động. Đặc biệt, chú trọng công tác quản lý tạm trú, tạm vắng, giáo dục nhân dân tự giác thực hiện quy định khai báo tạm trú, tạm vắng, mặt khác nghiên cứu cải tiến quy trình đăng ký quản lý hộ khẩu, bảo đảm chặt chẽ và tiện lợi tránh gây phiền hà cho nhân dân để khuyến khích sự tự giác của nhân dân về chấp hành các quy định về đăng ký quản lý hộ khẩu, nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng. Thực hiện tốt chế độ thông tin về biến động nhân khẩu, hộ khẩu giữa các địa phương góp phần phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Ba là, lực lượng Cảnh sát khu vực cần chủ động phối hợp với Cơ quan điều tra, phục vụ hoạt động điều tra, khám phá vụ án hình sự.

Bốn là, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự xã hội trong công tác quản lý vũ khí, chất nổ, quản lý đặc doanh, cần tăng cường hoạt động tuần tra kiểm soát, vận động nhân dân giao nộp thu gom vũ khí chất nổ, hạn chế tình trạng mất mát, mua bán, tạo ra sơ hở để bọn phạm tội sử dụng vũ khí, chất nổ hoạt động phạm tội.

Năm là, cần duy trì và đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát trật tự để phát huy tác dụng phòng ngừa tội phạm, quán triệt tinh thần chỉ đạo của ngành về công tác tuần tra kiểm soát là: "Tiến hành tuần tra, kiểm soát thường xuyên liên tục nhất là khu vực địa bàn trọng điểm, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, gây rối trật tự xã hội, tạo nên sức mạnh răn đe, trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự" [57, tr. 215]. Nhận thức đầy đủ về vị trí công tác tuần tra, kiểm soát và tổ chức thực hiện tốt là yếu tố quyết định việc phát huy tác dụng phòng ngừa của công tác này. Công an địa phương cũng cần tổ chức tốt hoạt động tuần tra, kiểm soát, phối hợp giữa cán bộ, chiến sĩ Công an với lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng ở

địa bàn dân c-, huy động quần chúng nhân dân tham gia công tác tuần tra, nhân dân tạo thành thế trận phòng ngừa khép kín, đảm bảo an ninh trật tự tại địa ph- ơng.

3.3.2. Đối với Tòa án nhân dân

Đối với Tòa án nhân dân, thì việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án về các tội phạm mà ng- ời phạm tội có tính chuyên nghiệp có vai trò rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở xét xử đúng, mới có thể phát huy tính giáo dục, phòng ngừa của biện pháp xử lý và từ đó mới có thể chỉ ra nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để có kiến nghị xác đáng.

Vì vậy, Tòa án các cấp cần làm tốt các chức năng, nhiệm vụ xét xử đối với những vụ án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và thực hiện một số biện pháp sau đây:

Thứ nhất, cần tổng kết, tổ chức hội nghị chuyên đề h- ướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, chú ý những căn cứ quyết định hình phạt, nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bảo đảm việc xét xử các vụ án có ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ược nghiêm chỉnh, đúng pháp luật.

Thứ hai, Tòa án nhân dân các địa ph- ơng cần phối hợp với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát rà soát lại toàn bộ những vụ án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thuộc thẩm quyền xét xử của cấp mình. Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà họ đã thực hiện mà có hình thức xử phạt nghiêm minh theo đúng pháp luật, công bố kết quả xét xử trên các ph- ơng tiện truyền thông đại chúng để tác động răn đe, giáo dục chung.

Thứ ba, phát hiện những sơ hở, thiếu sót hoặc những hành vi vi phạm khác có liên quan đến tội phạm chuyên nghiệp, là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Trên cơ sở đó, Tòa án kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát

sinh tội phạm theo quy định tại Điều 225 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Đây là vấn đề lâu nay rất ít đ- ợc Tòa án chú ý.

Thứ t-, hiệu lực và hiệu quả của việc xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là ở khâu thi hành án. Trong thời gian tới, Tòa án các cấp cần rà soát lại những bản án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, đã có hiệu lực pháp luật, ch- a thi hành án. Phải ra ngay quyết định thi hành án theo đúng quy định tại Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Để thực hiện tốt các giải pháp nói trên, Tòa án các cấp cần tranh thủ sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa ph- ơng, nhất là sự lãnh đạo của Tòa án nhân dân tối cao, sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Tòa án các cấp cần xây dựng cho mình ý thức thực sự cầu thị, mong muốn sự giúp đỡ và tạo điều kiện vật chất, tinh thần của chính quyền và các ngành hữu quan, nhất là các cơ quan thông tin đại chúng, nhằm giúp cho hoạt động xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc tuyên truyền kịp thời, sâu rộng, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền giám sát hoạt động của Tòa án.

3.3.3. Đối với Viện kiểm sát nhân dân

Với chức năng kiểm sát hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật (Điều 1 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân), góp phần bảo đảm cho pháp luật đ- ợc chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, Viện kiểm sát nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm có tính chất chuyên nghiệp nói riêng. Cùng với việc làm tốt chức năng kiểm sát và tuân theo pháp luật, bảo đảm cho pháp luật đ- ợc chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất, Viện kiểm sát các cấp cần kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bảo đảm việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về các hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có cứ pháp luật; thực hiện việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng hình sự năm 2003. Công tác nắm tình hình tội phạm, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, cần đ- ợc Viện kiểm sát các cấp quan tâm đúng mức.

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm có tính chất chuyên nghiệp, ngành Kiểm sát cần tiến hành các công tác sau:

Thứ nhất, cần làm tốt công tác quản lý, xử lý tin báo về tội phạm, về các đối t- ượng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Đây là công việc rất quan trọng, góp phần giúp cơ quan Công an xử lý, điều tra khám phá vụ án một cách nhanh chóng.

Thứ hai, Viện kiểm sát ở hai cấp cần chú trọng kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án có bị can phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; chú trọng kiểm sát xét xử các vụ án này, bố trí Kiểm sát viên có năng lực trực tiếp nghiên cứu và thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Việc thực hành quyền công tố phải đ- ợc thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và ng- ời thực hiện hành vi phạm tội, không làm oan ng- ời vô tội, kiến nghị và xử lý kịp thời những sai phạm của những ng- ời tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật s- , ng- ời bào chữa và những ng- ời tham gia tố tụng khác. Tăng c- ồng công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các tr- ờng hợp oan, sai trong bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình.

Thứ ba, Viện kiểm sát các cấp cần phối hợp chặt chẽ với Công an, Tòa án đ- a một số vụ án có bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp xét xử l- u động tại chính nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, để nâng cao tác dụng giáo dục cho nhân dân, động viên nhân dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm. Những vụ án có mức hình phạt không t- ơng xứng so với quy định của pháp luật đối với ng- ời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cần đ- ợc Viện kiểm sát kháng nghị theo luật định.

Để thực hiện tốt các giải pháp trên, Viện kiểm sát các cấp cần chú trọng công tác xây dựng ngành trong sạch, vững mạnh, từng bước kiện toàn củng cố tổ chức, rèn luyện, giáo dục phẩm chất đạo đức người cán bộ kiểm sát. Ngành Kiểm sát cần tiếp tục xây dựng, đổi mới và thực hiện nề nếp làm việc chính quy, khoa học, hiện đại, trong đó chú ý chỉ đạo việc kiểm sát hoạt động tố tụng pháp đối với các vụ án có bị can, bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp để được nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật. Kiên quyết xử lý những cán bộ kiểm sát vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống, để ngành Kiểm sát thực sự được nhân dân tin yêu, kính trọng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ những yêu cầu khách quan và thực trạng việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng là một trong những giải pháp mang tính vừa cấp bách vừa chiến lược, đảm bảo vừa phù hợp với thực tiễn đất nước vừa phù hợp với pháp luật hình sự các nước. Dưới góc độ nhận thức khoa học, nhà làm luật cần bổ sung điều luật quy định về khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành, đồng thời ghi nhận, bổ sung tình tiết này vào tình tiết định khung hình phạt trong một số điều luật về tội phạm mà trong thực tiễn xét xử đã xảy ra. Bên cạnh đó, cũng cần có những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thực tiễn để việc áp dụng đảm bảo có căn cứ hợp pháp và đúng pháp luật.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu đề tài "*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong luật hình sự Việt Nam*" trong luận văn cao học này cho phép chúng tôi đi ra một số kết luận chung d- ới đây.

1. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một trong quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam, thể hiện đ- ồng lối và chính sách hình sự của Đảng và Nhà n- ớc ta đối với ng- ời phạm tội và hành vi do họ thực hiện. Việc quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự Việt Nam thể hiện ph- ơng châm đúng đắn của đ- ồng lối xử lý về hình sự là "ng nghiêm trị", thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hóa, cải tạo ng- ời phạm tội trở thành ng- ời l- ơng thiện.

2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc là tình tiết định khung hình phạt trong các điều luật về các tội phạm, nên nó có mối quan hệ chặt chẽ với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác và với các tội danh cụ thể trong Bộ luật hình sự. Do đó, có thể khẳng định rằng, khái niệm và các cơ sở pháp lý của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng xuất phát từ khái niệm và cơ sở của tội phạm. Cho nên, việc xác định và áp dụng đúng đắn tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thực tiễn sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của Nhà n- ớc, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

3. Mặc dù phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã đ- ợc quy định một cách chính thức và cụ thể trong Bộ luật hình sự, nh- ng đối với mỗi tr- ờng hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì việc hiểu rõ bản chất của nó để áp dụng trong thực tiễn còn nhiều vấn đề ch- a rõ ràng và ch- a thống nhất. Vì thế, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng nhiều

khi còn áp dụng ch- a đúng với quy định của điều luật. Cho nên, trong thực tiễn xét xử cho thấy bên cạnh những quyết định áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có căn cứ và đúng pháp luật thì vẫn còn có một số trường hợp áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không có căn cứ và ch- a đúng pháp luật, khiến việc xử lý tội phạm không nghiêm, qua đó gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm nói chung, tội phạm có tính chất chuyên nghiệp nói riêng.

4. Trước yêu cầu cải cách để xây dựng nền pháp luật trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, thì việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng là một trong những biện pháp có ý nghĩa rất quan trọng. Trong đó, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng là một trong những giải pháp mang tính vừa cấp bách vừa chiến lược, đảm bảo vừa phù hợp với thực tiễn đất nước vừa phù hợp với pháp luật hình sự các nước. Dưới góc độ nhận thức - khoa học, nhà làm luật cần bổ sung điều luật quy định về khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành, đồng thời ghi nhận, bổ sung tình tiết này vào tình tiết định khung hình phạt trong một số điều luật về tội phạm mà trong thực tiễn xét xử đã xảy ra. Bên cạnh đó, cũng cần có những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thực tiễn để việc áp dụng đảm bảo có căn cứ hợp pháp và đúng pháp luật.

5. Ở một chừng mực nhất định, luận văn đã giải quyết được một số vấn đề lý luận - thực tiễn xung quanh quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn quy định này dưới góc độ nhận thức khoa học nhằm làm sâu sắc hơn là rất cần thiết đối với khoa học luật hình sự nước ta hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ T- pháp (2007), *Thông t- liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12h- ớng dẫn áp dụng một số quy định tại Ch- ơng XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
2. "Bộ luật hình sự của n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (2010), *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề).
3. Bộ T- pháp (1957), *Tập luật lệ về t- pháp*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, tập 3, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (Chủ biên) (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. (Tái bản lần thứ nhất, 2003).
6. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Lê Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Lê Cẩm (2005), "Những vấn đề lý luận về bốn yếu tố cấu thành tội phạm (trên cơ sở các quy định của Bộ luật hình sự 1999)", *Tòa án nhân dân*, (8).
9. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* (2002), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đỗ Đức Hồng Hà (2009), "Điểm mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự về sự chuẩn bị các điều kiện pháp lý hình sự để thực hiện các nghĩa vụ quốc tế mà Nhà n- ớc ta đã cam kết", *Tòa án nhân dân*, (19).

12. Nguyễn Phong Hòa (2005), "Bàn về khái niệm tội phạm có tổ chức và tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia", *Tòa án nhân dân*, (4).
13. Vũ Thiện Kim (1982), *Tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
14. Vũ Thành Long (2006), "Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", *Tòa án nhân dân*, (20).
15. Ưông Chu L- u (Chủ biên) (2008), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. D- ơng Tuyết Miên (2010), "Về các tội phạm chứng khoán trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999", *Tòa án nhân dân*, (2).
17. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. *Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003* (2003), Nxb T- pháp, Hà Nội.
19. Đinh Văn Quế (2005), "Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999", *Tòa án nhân dân*, (16).
20. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm*, tập I, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm*, tập II, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm*, tập III, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm*, tập IV, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm*, tập IX, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận án và một số vấn đề thực tiễn áp dụng trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.

26. Đinh Văn Quế (2010), "Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự", *Tòa án nhân dân*, (4).
27. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
29. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
30. Quốc hội (1992), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
31. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
33. Đặng Thúy Quỳnh (2009), "Tội cướp giật tài sản theo Bộ luật hình sự năm 1999 những bất cập và hướng khắc phục", *Tòa án nhân dân*, (12).
34. Hồ Sỹ Sơn (2008), "Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hướng khắc phục", *Tòa án nhân dân*, (16).
35. Hồ Sỹ Sơn (2008), "Những bất cập trong quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và hướng khắc phục", *Tòa án nhân dân*, (22).
36. Phạm Thái (1986), *Bình luận Bộ luật hình sự*, tập 1, NXB Pháp lý, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, tập 1, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (1990), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng*, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tối cao (1991), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng*, Hà Nội.
40. Tòa án nhân dân tối cao (1995), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng*, Hà Nội.
41. Tòa án nhân dân tối cao (2001), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

42. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự 1999*, Hà Nội.
43. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng*, Hà Nội.
44. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong công tác xét xử của Tòa án và một số kiến nghị*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
45. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (1978), *Hướng dẫn thi hành pháp luật thống nhất trong cả nước*, Hà Nội.
46. Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2000), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1970), *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân*, Hà Nội.
50. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1970), *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
51. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1982), *Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*, Hà Nội.
52. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1961), *Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6 về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội*, Hà Nội.
53. Viện Ngôn ngữ học (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

54. Trịnh Tiến Việt (2004), "Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999 và một số kiến nghị", *Tòa án nhân dân*, (13).
55. Trịnh Tiến Việt (2008), "Khái niệm phòng ngừa tội phạm d- ới góc độ tội phạm học", *Khoa học*, (Chuyên san Kinh tế - Luật), (3).
56. Nguyễn Hồng Vinh (2007), *Hoạt động phòng, ngừa tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Nxb T- pháp, Hà Nội.
57. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.